



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

24

Tháng 12 - 2018

## **BỘ TRƯỞNG PHẠM HỒNG HÀ TIẾP ĐẠI SỨ CÁC NƯỚC URUGUAY, VƯƠNG QUỐC HÀ LAN**

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp tân Đại sứ Uruguay Rosario Portell Casanova*



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp và làm việc với tân Đại sứ Vương quốc Hà Lan  
tại Việt Nam Elsbeth Akkerman*

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI CHÍN**

**24**

**SỐ 24 - 12/2018**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đankia – Suối Vàng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 8
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 11

#### Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Thanh Hóa phân cấp giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh 15
- UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh 16

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

### **ĐỖ HỮU LỰC**

**Phó giám đốc Trung tâm**

**Thông tin**

#### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN

**(Trưởng ban)**

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

CN. NINH HOÀNG HẠNH

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Hội thảo “Các biện pháp kỹ thuật phòng ngừa tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình” 17
- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro, xỉ nhiệt điện trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông” 19
- Nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ “Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng” 21
- Nghiệm thu các dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam do Hội Bê tông Việt Nam biên soạn 23
- Hội thảo “Định hướng chính sách quản lý và thúc đẩy phát triển công trình xanh tại Việt Nam” 25
- Hội thảo khoa học công nghệ “Kiến trúc với thế giới công nghệ số” 26
- Những xu hướng của môi trường đô thị nhằm thích ứng với các điều kiện khí hậu tự nhiên và các điều kiện do con người tạo nên 28
- Hỗn hợp bê tông nhựa đúc 32
- Suy nghĩ về công trình Cacbon thấp tại Trung Quốc 33

## **Thông tin**

- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Đại sứ các nước Uruguay, Vương quốc Hà Lan 36
- Hội nghị Tổng kết Đề án “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” 37
- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 39
- Hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XII 41
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng và đô thị Hòa Thành mở rộng của tỉnh Tây Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV 42
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đạt tiêu chí đô thị loại IV 44
- Đôi nét về sự phát triển của các quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng tại các nước trên thế giới 46

## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

# **Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đankia - Suối Vàng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1771/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Đankia – Suối Vàng, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

### **1. Vị trí, quy mô Khu DLQG Đankia - Suối Vàng**

- Khu DLQG Đankia - Suối Vàng thuộc địa phận thị trấn Lạc Dương (huyện Lạc Dương) và phường 7 (thành phố Đà Lạt), tỉnh Lâm Đồng; có diện tích khoảng 4.000 ha, trong đó các khu vực tập trung phát triển du lịch, hình thành các phân khu chức năng chính có diện tích khoảng 760 ha.

### **2. Quan điểm phát triển**

- Phát triển bền vững Khu DLQG Đankia - Suối Vàng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang, hồ Đankia, hồ Suối Vàng, di sản văn hóa, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, thống nhất với các Chiến lược, Quy hoạch liên quan đã được các cấp phê duyệt.

- Phát triển Khu DLQG Đankia - Suối Vàng trên cơ sở khai thác các giá trị đặc trưng về điều kiện khí hậu, cảnh quan sinh thái, danh thắng độc đáo gắn với văn hóa bản địa để hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù, có giá trị và sức cạnh tranh cao; góp phần thúc đẩy tăng trưởng du lịch của Lâm Đồng và các tỉnh Tây Nguyên, kết hợp hài hòa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh, quốc phòng, bảo đảm an sinh xã hội, sinh kế của người dân.

- Phát triển Khu DLQG Đankia - Suối Vàng

trong không gian kết nối chặt chẽ với thành phố Đà Lạt, Khu DLQG Hồ Tuyên Lâm và các điểm du lịch trọng điểm khác của tỉnh Lâm Đồng; hình thành mối liên kết với các khu du lịch quốc gia Măng Đen (Kon Tum), Yokdon (Đắk Lắk), Biển Hồ - Chư Đăng Ya (Gia Lai) và các khu, điểm du lịch trọng điểm khác trong vùng du lịch Tây Nguyên.

### **3. Mục tiêu phát triển**

- Phấn đấu đến năm 2030, Khu du lịch Đankia - Suối Vàng trở thành Khu du lịch quốc gia, là một trung tâm du lịch của vùng Tây Nguyên và cả nước với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, hình thành được thương hiệu và sản phẩm du lịch đặc trưng, có đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; gắn kết chặt chẽ với Khu DLQG Hồ Tuyên Lâm, thành phố Đà Lạt và các khu, điểm du lịch khác trong tỉnh, trở thành điểm đến quan trọng trên hành trình tham quan du lịch vùng Tây Nguyên.

### **4. Các định hướng phát triển chủ yếu**

#### **a) Phát triển thị trường khách du lịch**

- Giai đoạn từ nay đến năm 2025: Tập trung khai thác thị trường khách du lịch nội tỉnh và khách du lịch đến từ các tỉnh Đông Nam Bộ (trọng tâm là Thành phố Hồ Chí Minh), các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Đối với khách du lịch quốc tế, ưu tiên thu hút thị trường khách du lịch Châu Âu (Anh, Pháp, Hà Lan), Bắc Mỹ (Mỹ, Canada) và Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản).

- Giai đoạn sau năm 2025: Tiếp tục duy trì các thị trường khách du lịch truyền thống, có mức tăng trưởng ổn định. Mở rộng thu hút thị trường

khách du lịch nội địa đến từ các tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc. Từng bước tiếp cận, khai thác các phân khúc thị trường khách du lịch quốc tế có mức chi tiêu cao đến từ Đông Âu (Nga), Bắc Âu (Thụy Điển, Na Uy), Úc và New Zealand.

b) Phát triển sản phẩm du lịch

- Sản phẩm du lịch chủ đạo:

+ Sản phẩm du lịch văn hóa: Phát huy các giá trị văn hóa bản địa đặc trưng, nhất là Không gian văn hóa công chiêm Tây Nguyên để phát triển thành các sản phẩm du lịch tham quan buôn làng, du lịch tìm hiểu và trải nghiệm văn hóa, du lịch cộng đồng;

+ Sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng: Khai thác các đặc thù về điều kiện khí hậu, cảnh quan để phát triển các sản phẩm nghỉ dưỡng ven hồ, nghỉ dưỡng gắn với thể thao golf, chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp;

+ Sản phẩm du lịch gắn với sinh thái nông nghiệp và dược liệu: Tập trung khai thác lợi thế về đặc điểm khí hậu, hệ sinh thái nông nghiệp và nguồn dược liệu phong phú của khu vực để hình thành các sản phẩm du lịch sinh thái chuyên đề.

c) Tổ chức không gian phát triển du lịch

- Các phân khu chức năng chính:

+ Phân khu Trung tâm du lịch tổng hợp: Là trung tâm du lịch dịch vụ tổng hợp, được xây dựng theo ý tưởng tái hiện lại những nét hấp dẫn của Đà Lạt xưa (kiến trúc đặc thù, đồi thông, hồ nước). Phát triển dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp, thưởng thức ẩm thực, các hoạt động vui chơi giải trí, hội nghị hội thảo.

+ Phân khu Nghỉ dưỡng: Phát triển du lịch nghỉ dưỡng cao cấp với các loại hình chính như nghỉ dưỡng ven hồ, làng du lịch, bungalow;

+ Phân khu Chăm sóc sức khỏe: Phát triển các sản phẩm du lịch gắn với điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe và sắc đẹp áp dụng công nghệ hiện đại, cung cấp các dịch vụ du lịch kết hợp điều dưỡng, phục hồi sức khỏe và chăm sóc sắc đẹp.

+ Phân khu Du lịch thể thao - Trung tâm thể

thao cấp quốc gia: Tổ chức các hoạt động du lịch thể thao vận động, dã ngoại ngoài trời kết hợp phát triển câu lạc bộ thể thao dưới nước, trung tâm huấn luyện thể thao.

+ Phân khu Trung tâm giáo dục: Phát triển các cơ sở vật chất phục vụ chức năng giáo dục, tổ chức sự kiện, chương trình ngoại khóa, sinh hoạt, giải trí, tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp.

- Các phân khu chức năng phụ trợ:

+ Phân khu Hành chính dịch vụ: Chức năng điều hành và các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động của Khu DLQG Đankia - Suối Vàng;

+ Phân khu Hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng hệ thống công trình hạ tầng đầu mối - trạm xử lý nước thải tập trung cho Khu DLQG Đankia - Suối Vàng.

d) Định hướng phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Hệ thống cơ sở lưu trú: Phát triển đa dạng các loại hình lưu trú tại đô thị Lạc Dương và các xã lân cận, bảo đảm mối liên kết chặt chẽ với thành phố Đà Lạt, Khu DLQG Hồ Tuyên Lâm, chú trọng phát triển các cơ sở lưu trú cao cấp và các cơ sở lưu trú tại nhà dân.

+ Phát triển các biệt thự du lịch cao cấp, khách sạn 3 sao - 5 sao, bungalow tại Phân Khu Trung tâm du lịch tổng hợp, khu nghỉ dưỡng cao cấp ven hồ, khu sân golf.

+ Phát triển các nhà nghỉ sinh thái, nhà nghỉ cộng đồng và cơ sở lưu trú tại nhà dân tại Phân khu sinh thái nông nghiệp và Phân khu dược liệu.

- Hệ thống cơ sở dịch vụ thương mại, ẩm thực

- Hệ thống cơ sở vui chơi, giải trí, thể thao: Phát triển các công viên vui chơi giải trí, công viên chuyên đề khai thác các đặc trưng về địa hình, mặt nước, văn hóa và lịch sử địa phương, kết hợp với đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí công nghệ cao. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ thể thao như sân golf, khu thể thao ngoài trời, các khu dã ngoại.

e) Định hướng đầu tư

- Về cơ cấu vốn đầu tư: Huy động hiệu quả

mọi nguồn lực để đầu tư phát triển Khu DLQG Đankia - Suối Vàng, bao gồm: Vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, vốn của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong nước và các nguồn huy động hợp pháp trong nước khác và vốn đầu tư nước ngoài.

- Về phân kỳ và lĩnh vực ưu tiên đầu tư:

+ Giai đoạn trước 2025, tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật Khu DLQG Đankia - Suối Vàng và các dự án thành phần theo các khu chức năng để nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm du lịch của Khu DLQG Đankia - Suối Vàng.

+ Ưu tiên hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực; bảo vệ tài nguyên môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó chú trọng bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

#### **5. Giải pháp thực hiện Quy hoạch**

##### **a) Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Nghiên cứu và đề xuất các chính sách ưu tiên phát triển du lịch tại Khu DLQG Đankia - Suối Vàng; trong đó có cơ chế chính sách, ưu đãi tốt nhất về thủ tục, về giải phóng mặt bằng... thích hợp, ổn định, lâu dài để thu hút được các nhà đầu tư có năng lực.

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong công tác thẩm định và phê duyệt đối với các Dự án đầu tư du lịch có quan tâm tới bảo tồn cảnh quan môi trường tự nhiên và gắn kết phát triển du lịch với lợi ích của cộng đồng dân cư.

- Có cơ chế hỗ trợ người dân địa phương trong chuyển đổi nghề nghiệp liên quan tới công tác đào tạo nghề du lịch; hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú tại nhà dân đạt chuẩn.

b) Giải pháp về quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Ban hành Quy chế quản lý Khu DLQG Đankia - Suối Vàng theo Quy hoạch được duyệt, trong đó quy định rõ phạm vi các khu vực được hoạt động của khách du lịch và các khu vực dịch vụ du lịch.

- Tăng cường phối hợp hành động liên ngành và liên vùng trong việc thực hiện quy hoạch; kiểm tra, giám sát định kỳ để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

- Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện các dự án thành phần tại Khu DLQG Đankia - Suối Vàng thực hiện theo đúng quy định pháp luật về đất đai và quy định pháp luật liên quan. Việc đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi Khu DLQG tuân thủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, Quy chế quản lý Khu DLQG Đankia - Suối Vàng và quy định pháp luật liên quan.

##### **c) Giải pháp về đầu tư và thu hút vốn đầu tư**

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiếp cận thông tin về quy hoạch, đất đai, chính sách ưu đãi... với hình thức hội thảo kêu gọi đầu tư, các chuyến dã ngoại, nghiên cứu thực địa... tại Khu DLQG Đankia - Suối Vàng.

- Cam kết và công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin, truyền thông về những ưu đãi và các thủ tục hành chính để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với Khu DLQG Đankia - Suối Vàng.

##### **d) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Phối hợp với các trung tâm đào tạo trong tỉnh tăng cường quy mô, ngành nghề đào tạo và các chương trình hợp tác phù hợp với nhu cầu nhân lực và định hướng phát triển của Khu DLQG Đankia - Suối Vàng.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực địa phương, nhất là người dân tộc thiểu số.

e) Giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào hoạt động quản lý, đào tạo nhân lực du lịch, nghiên cứu thị trường và xúc tiến, quảng bá du lịch.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào việc xử lý

chất thải, rác thải du lịch trong Khu DLQG Đankia - Suối Vàng, hạn chế tác động đến môi trường. Khuyến khích áp dụng quản lý và xử lý chất thải rắn theo tiêu chuẩn 3RVE.

- Ưu tiên nguồn lực nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực du lịch, xác định công nghệ là yếu tố cốt lõi trong phát triển du lịch, phù hợp với xu hướng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

f) Giải pháp bảo vệ tài nguyên môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Bảo đảm hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đa dạng sinh học theo đúng pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và các quy định pháp luật liên quan khác trong phạm vi Quy hoạch.

- Áp dụng công nghệ và khoa học kỹ thuật hiện đại trong công tác cảnh báo các sự cố môi trường như hệ thống báo cháy rừng, theo dõi chất lượng và cảnh báo ô nhiễm nguồn nước,

giám sát các nguồn chất thải.

- Xây dựng quy trình quản lý môi trường đối với toàn Khu du lịch; quản lý và vận hành hệ thống hạ tầng môi trường của Khu du lịch theo quy định. Xây dựng hệ thống thông tin, cảnh báo thiên tai; kịch bản biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp ứng phó với các sự cố thiên tai đột xuất.

g) Giải pháp bảo đảm an ninh, quốc phòng

- Quá trình lập các đồ án quy hoạch chi tiết và các dự án đầu tư cụ thể tại Khu DLQG Đankia - Suối Vàng phải có ý kiến tham gia của Bộ Quốc phòng và các đơn vị đóng quân trên địa bàn.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng công an, quân đội đảm bảo phát triển du lịch gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc phòng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1772/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

### **1. Vị trí, quy mô, ranh giới Khu DLQG Mũi Né**

- Khu DLQG Mũi Né nằm trên dải đất ven biển từ xã Hòa Phú, huyện Tuy Phong đến hết ranh giới phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận; có diện tích khoảng 14.760 ha, trong đó diện tích vùng lõi tập trung phát triển, hình thành các khu chức năng du lịch khoảng 1.000 ha.

### **2. Quan điểm phát triển**

- Phát triển bền vững theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu,

phòng, chống thiên tai, xói lở bờ biển; phát triển hài hòa giữa du lịch với khai thác khoáng sản, nông, lâm, ngư nghiệp và năng lượng; giữ vững an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và xóa đói giảm nghèo.

- Tập trung phát triển du lịch theo chiều sâu, chú trọng chất lượng và hiệu quả, đa dạng về sản phẩm, tập trung khai thác tài nguyên du lịch biển, khai thác giá trị các di tích, văn hóa của dân tộc Chăm.

- Liên kết chặt chẽ với các điểm du lịch trong tỉnh Bình Thuận, trong vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

### **3. Mục tiêu phát triển**



- Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất, kỹ thuật du lịch, đáp ứng các tiêu chí của Khu du lịch quốc gia; thu hút các nhà đầu tư chiến lược có tầm cỡ để phát triển Khu du lịch Mũi Né trở thành một điểm đến hấp dẫn, đóng vai trò quan trọng trong hệ thống du lịch của vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước. Phấn đấu đến năm 2030, Khu DLQG Mũi Né trở thành một trong những điểm đến hàng đầu của Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

#### **4. Các định hướng phát triển chủ yếu**

##### **a) Phát triển thị trường khách du lịch**

- Tiếp tục và duy trì mở rộng thị phần tại các thị trường khách du lịch quốc tế truyền thống như Nga và các nước Đông Âu, Châu Âu, Bắc Mỹ, Bắc Âu và khu vực Đông Nam Á. Từng bước tiếp cận và chiếm lĩnh phân khúc thị trường cao cấp đến từ Trung Quốc và các nước Đông Bắc Á như Hàn Quốc và Nhật Bản.

- Đối với thị trường khách du lịch trong nước, ưu tiên thu hút phân khúc có mức chi tiêu cao đến từ các đô thị lớn.

##### **b) Phát triển sản phẩm du lịch**

- Các sản phẩm du lịch biển: nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái và thể thao biển.

- Các sản phẩm du lịch khai thác đặc trưng văn hóa địa phương: tham quan các di tích lịch sử văn hóa, trải nghiệm, nghiên cứu văn hóa truyền thống, đặc biệt là văn hóa Chăm và lễ hội cổ truyền của cư dân bản địa.

- Các sản phẩm du lịch gắn với cộng đồng: Du lịch làng nghề truyền thống, du lịch làng chài.

- Các sản phẩm du lịch gắn với đô thị: Các lễ hội, sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch, các hoạt động nghệ thuật đường phố.

##### **c) Tổ chức không gian phát triển du lịch**

- Phân khu du lịch biển cao cấp Bắc Bình: Phát triển các tổ hợp du lịch đa năng với các sản phẩm du lịch cao cấp.

- Phân khu du lịch biển Mũi Né: Là phân khu cốt lõi cả Khu DLQG. Khu này tập trung phát triển các không gian công cộng kết hợp với các mô hình khu nghỉ dưỡng quy mô vừa và nhỏ; đa

dạng hóa các sản phẩm du lịch...

- Phân khu du lịch chuyên đề - Du lịch cát: Phát triển các sản phẩm du lịch mới, độc đáo như nghỉ dưỡng, thể thao cát kết hợp các sản phẩm du lịch gắn với sinh thái nông nghiệp, dã ngoại.

- Tập trung phát triển các tuyến du lịch chính:

+ Tuyến du lịch đường bộ : Phát triển theo các tuyến quốc lộ 1A, 28, 28B và tuyến đường cao tốc Bắc – Nam kết nối Khu DLQG Mũi Né với các trọng điểm phát triển du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang và các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ, Đà Lạt...

- Tuyến du lịch đường sắt: Trên cơ sở hệ thống đường sắt Bắc Nam và đường sắt tốc độ cao, kết nối đến Khu DLQG Mũi Né theo trục thành phố Phan Thiết – Thành phố Hồ Chí Minh và Nha Trang – Đà Nẵng – Hà Nội về phía Bắc.

- Tuyến du lịch theo đường biển: Xây dựng bến thuyền du lịch tại cảng Phan Thiết kết nối Khu DLQG Mũi Né với các tuyến du lịch đường biển trong nước và quốc tế.

- Tuyến du lịch theo đường không: Kết nối Khu DLQG Mũi Né với quốc tế qua sân bay Tân Sơn Nhất (Tp Hồ Chí Minh) và sân bay Cam Ranh (Khánh Hòa).

d) Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất

- Phát triển hệ thống cơ sở lưu trú:

+ Ưu tiên phát triển các loại hình cơ sở lưu trú cao cấp gắn với các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng đặc thù, đồng thời chú trọng phát triển cơ sở lưu trú gắn với cộng đồng như nghỉ dưỡng tại các làng chài, lưu trú tại nhà dân và tại các trung tâm dịch vụ du lịch.

- Phát triển hệ thống cơ sở dịch vụ thương mại, ẩm thực: Hệ thống nhà hàng, khu dịch vụ ẩm thực; các chợ, trung tâm thương mại...

- Phát triển hạ tầng phục vụ du lịch

+ Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật khung như sân bay Phan Thiết, hệ thống cảng và bến thuyền du lịch, công trình cấp điện, cấp nước, công trình xử lý nước thải

và chất thải rắn.

+ Hoàn thiện các hệ thống giao thông nội bộ như các tuyến đường ven biển, tuyến đường kết nối các phân khu chính của Khu DLQG Mũi Né.

+ Nâng cấp bến cảng Phan Thiết, xây dựng 1 số tuyến đường xuống biển và bãi biển công cộng dọc tuyến ven biển Hòa Thắng – Hòa Phú.

### **5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch**

a) Giải pháp về cơ chế chính sách và quản lý quy hoạch

- Công bố công khai quy hoạch và triển khai thực hiện các quy hoạch, dự án theo quy định của pháp luật.

- Tiến hành rà soát các dự án đã được phê duyệt trong Khu DLQG để đảm bảo theo đúng định hướng của quy hoạch. Các dự án có chủ trương đầu tư, tiến độ triển khai quá chậm hoặc hết thời gian gia hạn mà không triển khai thì tiến hành kiểm tra, lập kế hoạch thu hồi. Không cấp đất ven biển cho các dự án phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, không cho phép các dự án lấn chiếm đường biển.

- Việc đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi Khu DLQG Mũi Né tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng, quy hoạch xây dựng được duyệt, quy chế quản lý Khu DLQG Mũi Né.

- Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ cho phát triển du lịch cần tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, chỉ đạo của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp về đầu tư và thu hút vốn đầu tư

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước để đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án. Huy động nguồn vốn ODA cho các công trình cơ sở hạ tầng du lịch và tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế.

c) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, nâng

cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực địa phương, nhất là nhân lực là người dân tộc thiểu số.

- Tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ du lịch và nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề từ lao động nông nghiệp sang làm dịch vụ du lịch.

d) Giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ

- Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào nghiên cứu, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch, đặc biệt trong hoạt động giám sát và cảnh báo thiên tai, sự cố môi trường.

- Ứng dụng các giải pháp năng lượng sạch và thân thiện với môi trường, biện pháp tiết kiệm năng lượng, nước sạch trong các cơ sở dịch vụ du lịch.

e) Giải pháp liên kết phát triển du lịch

- Liên kết tổ chức các hoạt động quảng bá chung tam giác du lịch “Bình Thuận – Lâm Đồng – Thành phố Hồ Chí Minh”.

- Hợp tác với các hãng hàng không mở đường bay quốc tế trực tiếp đến các thị trường trọng điểm của Khu DLQG Mũi Né.

f) Giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước ven biển.

- Tranh thủ tối đa nguồn hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các nước, các tổ chức quốc tế đồng thời nghiên cứu xây dựng các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ các nhà đầu tư vào lĩnh vực ứng phó, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu, nhất là trong lĩnh vực du lịch.

g) Giải pháp đảm bảo an ninh, quốc phòng

- Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh, quốc phòng.

- Không quy hoạch vào diện tích Khu DLQG Mũi Né phần diện tích thuộc khu vực địa hình có

tầm quan trọng đặc biệt trong thể trận phòng thủ bảo vệ Tổ quốc.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng công an, quân đội trong quá trình thực hiện quy hoạch cụ thể; thanh tra; kiểm tra tiến độ và hiệu quả triển khai các dự án thành phần, bảo đảm phát triển du lịch gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng.

h) Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa địa phương

- Nâng cao ý thức của người dân về ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển tài nguyên du

lich, bản sắc văn hóa thông qua các chương trình giáo dục môi trường, tìm hiểu về cội nguồn với các hình thức tuyên truyền đa dạng, mang tính xã hội sâu rộng.

- Dành nguồn ngân sách nhà nước cho việc thực hiện các dự án bảo tồn danh thắng Bà Trống và các vùng cảnh quan đồi cát độc đáo.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại  
([www.chinhphu.gov.vn](http://www.chinhphu.gov.vn))

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 19 tháng 12 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1774/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

### **1. Vị trí ranh giới, quy mô**

- Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương nằm trong Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, thuộc thị trấn Lăng Cô và xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế; có diện tích khoảng 9.490 ha, trong đó, diện tích vùng lõi tập trung phát triển du lịch là 1.350 ha.

### **2. Quan điểm phát triển**

- Phát triển Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương trên cơ sở phát huy vị thế của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, đầu mối du lịch biển từ cảng quốc tế Chân Mây, thế mạnh về tài nguyên du lịch biển, đảo, hệ sinh thái đầm phá độc đáo, núi rừng và thương hiệu "Vịnh Lăng Cô - thành viên câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới".

- Phát triển Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh

Dương xứng tầm một điểm đến mang tầm cỡ quốc tế với những sản phẩm du lịch nổi bật về nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, các sự kiện văn hóa - thể thao, cảng quốc tế, hình thành được thương hiệu Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương, nâng cao sức cạnh tranh, kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

- Phát triển Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương trong không gian kết nối chặt chẽ với thành phố Festival Huế và các điểm du lịch trọng điểm khác trong tỉnh như vườn quốc gia Bạch Mã, Đầm Cầu Hai, Hải Vân quan; hình thành mối liên kết với các khu, điểm du lịch trọng điểm trong khu vực miền Trung như khu du lịch Cửa Tùng - Cửa Việt (Quảng Trị), Khu DLQG Sơn Trà, khu du lịch Bà Nà, Non Nước (Đà Nẵng).

- Phát triển du lịch bền vững, kết hợp hài hòa với các mục tiêu phát triển kinh tế, an sinh xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng, chủ quyền biển đảo, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phòng chống thiên tai và bảo

vệ môi trường; bảo đảm phù hợp, thống nhất với các Chiến lược, Quy hoạch liên quan đã được các cấp phê duyệt.

### **3. Mục tiêu phát triển**

- Đến năm 2025, Khu du lịch Lăng Cô - Cảnh Dương trở thành điểm đến quan trọng hàng đầu của tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực miền Trung, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, môi trường đầu tư hấp dẫn thu hút được các dự án đầu tư phát triển du lịch, đáp ứng các tiêu chí và được công nhận là Khu DLQG.

- Phấn đấu đến năm 2030, Khu du lịch Lăng Cô - Cảnh Dương trở thành điểm đến mang tầm cỡ quốc tế.

### **4. Các định hướng phát triển chủ yếu:**

#### **a) Về phát triển thị trường khách du lịch**

- Thị trường khách du lịch quốc tế: Tiếp tục củng cố, duy trì các thị trường khách quốc tế truyền thống như Tây Âu (Pháp, Anh, Đức), Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan), Bắc Mỹ (Mỹ, Canada), Đông Nam Á (Malaysia, Singapore, Thái Lan, Myanmar); từng bước tiếp cận và khai thác hiệu quả thị trường khách du lịch cao cấp đến từ Trung Quốc.

- Thị trường khách nội địa: Tiếp tục duy trì đón khách du lịch nội tỉnh và nội vùng, khách du lịch từ Thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

#### **b) Phát triển sản phẩm du lịch**

- Các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng: Du lịch nghỉ dưỡng biển và đầm phá kết hợp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- Các sản phẩm du lịch sinh thái: Du lịch sinh thái biển, đảo, du lịch sinh thái đầm phá và du lịch sinh thái rừng.

- Phát triển các sản phẩm du lịch phụ trợ: Sản phẩm du lịch cộng đồng như tham quan kết hợp trải nghiệm tại các làng chài, làng nghề; sản phẩm du lịch văn hóa và du lịch sự kiện, hội nghị, hội thảo (MICE) như tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hóa, lễ hội truyền thống, thắng cảnh.

#### **c) Tổ chức không gian phát triển du lịch**

- Tập trung phát triển 08 phân khu du lịch chính:

+ Phân khu du lịch đầm Lập An, tại Đầm Lập An, thị trấn Lăng Cô (Phân khu A, diện tích khoảng 70 ha): Là trung tâm dịch vụ du lịch của Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương, ưu tiên phát triển trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, ẩm thực trên cơ sở khai thác lợi thế mặt nước của đầm Lập An.

+ Phân khu du lịch sinh thái núi Giòn và núi Phú gia, Xã Lộc Vĩnh và Lộc Tiến (Phân khu B, diện tích khoảng 50 ha): Là khu du lịch sinh thái, thể thao mạo hiểm, khu cảnh quan ven đồi. Tại đây, hạn chế xây dựng công trình kiên cố, quy mô lớn; chỉ xây dựng một số công trình quy mô nhỏ nhằm phục vụ phát triển du lịch sinh thái, thể thao mạo hiểm.

+ Phân khu du lịch biển Lăng Cô, dải ven biển Lăng Cô thuộc địa phận thị trấn Lăng Cô và một phần diện tích xã Lộc Vĩnh (Phân khu C, diện tích khoảng 540 ha): Là phân khu du lịch động lực của Khu DLQG; ưu tiên phát triển du lịch biển và du lịch cộng đồng gắn với tìm hiểu văn hóa và trải nghiệm cuộc sống của người dân khu vực thị trấn Lăng Cô.

+ Phân khu du lịch kết hợp nhà ở đô thị phía Tây đầm Lập An, nằm ở phía Nam đầm Lập An, khu vực Hói Mít, Hói Dừa (Phân khu D, diện tích khoảng 130 ha): Là khu du lịch dịch vụ kết hợp phát triển đô thị; ưu tiên chỉnh trang khu dân cư, phát triển hệ thống nhà hàng, khu mua sắm kết hợp với tham quan mô hình nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản để phát triển du lịch cộng đồng.

+ Phân khu du lịch biển cao cấp, tại bãi Cỏ, bãi Chuối và đảo Sơn Chà, nằm phía Đông Nam thị trấn Lăng Cô (Phân khu E, diện tích khoảng 80 ha): Là khu du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp. Tại khu vực này, ưu tiên bảo tồn cảnh quan, mật độ xây dựng thấp, việc tiếp cận bằng đường thủy và đường bộ.

+ Phân khu du lịch Cù Dù - Cảnh Dương, xã Lộc Vĩnh (Phân khu F, diện tích khoảng 310 ha): Tập trung phát triển khu du lịch sinh thái

ngủ dưỡng biển, du lịch cộng đồng và khu dịch vụ hậu cần phục vụ du lịch du thuyền từ cảng Chân Mây.

+ Phân khu cảng Chân Mây, phía Đông xã Lộc Vĩnh (Phân khu G, diện tích khoảng 130 ha): Tập trung xây dựng cảng tổng hợp, cảng du lịch quốc tế đầu mối tiếp nhận và luân chuyển khách du lịch.

+ Phân khu bảo vệ cảnh quan Nam Hải Vân, phía Nam đèo Hải Vân (Phân khu H, diện tích khoảng 40ha): Là khu vực bảo vệ nghiêm ngặt về cảnh quan, các loài động thực vật của khu vực phía Nam đèo Hải Vân. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm về sinh thái, du lịch mạo hiểm và tham quan thắng cảnh, di tích.

d) Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

- Về cơ sở lưu trú du lịch: Phát triển đa dạng các loại hình lưu trú, chú trọng phát triển các loại hình lưu trú cao cấp tiêu chuẩn 4 - 5 sao; trong đó:

+ Khu nghỉ dưỡng cao cấp, biệt thự du lịch, khách sạn cao cấp gắn với chăm sóc sức khỏe và vui chơi giải trí cao cấp tập trung chủ yếu tại khu vực Cù Dù - Cảnh Dương, Lăng Cô, khu vực bãi Cỏ, bãi Chuối, đầm Lập An.

+ Khách sạn thấp tầng và các dịch vụ gắn với đô thị, bến du thuyền, các khu vui chơi giải trí đêm phát triển tại khu vực phía Nam đầm Lập An.

+ Khách sạn nghỉ dưỡng, công viên vui chơi giải trí, thể thao và các dịch vụ gắn với cảng du lịch tập trung phát triển tại khu vực ven biển Lăng Cô, khu vực cảng Chân Mây.

+ Các dịch vụ homestay gắn với dịch vụ du lịch phát triển tập trung ở khu vực thị trấn Lăng Cô, khu dân cư Hói Mít, Hói Dừa.

- Cơ sở phục vụ ăn uống:

- Hệ thống cơ sở thể thao, vui chơi giải trí.

- Xây dựng các cơ sở thương mại dịch vụ tại các phân khu du lịch; các khu dịch vụ bán hàng lưu niệm phục vụ khách du lịch tại khu trung tâm thị trấn; phố đi bộ, chợ đêm du lịch tại các

tuyến đường ven biển, ven đầm Lập An và khu phố chế biến và mua bán hải sản.

e) Định hướng hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch

- Về giao thông đường bộ:

+ Nghiên cứu, đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính kết nối hoàn chỉnh Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương với quốc lộ 1A; tuyến đường kết nối khu vực Cảnh Dương và thị trấn Lăng Cô, bao gồm tuyến đường ven biển Cảnh Dương và tuyến đường dưới chân đèo Phú Gia.

+ Đầu tư hoàn thiện hệ thống các tuyến đường nội bộ Khu DLQG: Tuyến đường nối quốc lộ 1A từ đèo Hải Vân đến Bãi Cỏ, Bãi Chuối; tuyến trục chính nối đường Tây đầm Lập An vào khu du lịch kết hợp nhà ở đô thị Hói Mít, Hói Dừa; trục chính Trung tâm Khu du lịch Lăng Cô; tuyến đường Tây đầm Lập An theo lộ giới quy hoạch.

- Về giao thông đường sắt: Từng bước đầu tư, nâng cấp ga Lăng Cô đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và phục vụ khách tham quan du lịch.

- Về giao thông đường thủy: Nghiên cứu, đề xuất xây dựng bến du thuyền tại cảng tàu quốc tế Chân Mây; bến thuyền du lịch và dịch vụ giao thông du lịch thủy tại đảo Sơn Chà, bãi Chuối, bãi Cỏ.

## **5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch**

a) Giải pháp quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch và các dự án đầu tư trong khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương sau khi được phê duyệt; lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương.

b) Giải pháp về cơ chế, chính sách và thu hút vốn đầu tư

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu tiên phát triển du lịch tại Khu DLQG Lăng Cô - Cảnh Dương để cập nhật, bổ sung vào hệ thống cơ chế chính sách chung của Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính liên quan theo hướng tạo

thuận lợi và đơn giản trong việc đăng ký đầu tư.

- Có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng như: giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường, tôn tạo cảnh quan tự nhiên trong phạm vi Khu du lịch quốc gia.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân địa phương sang làm dịch vụ du lịch; hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú tại nhà dân đạt chuẩn.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khung, hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật về giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc đến từng dự án. Chú trọng huy động nguồn vốn ODA và tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế cho các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch.

c) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Triển khai đào tạo nhân lực phục vụ cho Khu DLQG theo hình thức: Cơ quan quản lý nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp - Cộng đồng. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực địa phương.

- Triển khai các chính sách thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề cao; có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài. Ưu tiên phát triển đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên, quản lý du lịch từ nguồn nhân lực địa phương; tăng cường công tác dạy nghề ngắn hạn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cần bản về du lịch cho lao động gián tiếp, người dân tham gia kinh doanh du lịch.

d) Giải pháp về ứng dụng khoa học và công nghệ

- Phối hợp với các ngành liên quan tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong đầu tư, phát triển du lịch, phát triển sản phẩm và xây dựng thương hiệu du lịch. Hoàn thiện hệ

thống cơ sở dữ liệu và thống kê du lịch, từng bước tiếp cận, áp dụng hệ thống tài khoản vệ tinh du lịch.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển du lịch thông minh; chú trọng các sản phẩm công nghệ như trợ lý du lịch ảo, trí tuệ nhân tạo, thực tế tăng cường (phòng chiếu 3D, 4D), bản đồ số du lịch để tăng giá trị và sức hấp dẫn của điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch; phát triển các ứng dụng trên điện thoại thông minh để hỗ trợ khách du lịch trước, trong và sau chuyến đi.

- Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, nước trong dịch vụ du lịch.

e) Giải pháp về quảng bá, xúc tiến và xây dựng thương hiệu Khu du lịch

- Tăng cường các hoạt động xúc tiến du lịch và đầu tư theo hình thức farmtrip, hội chợ du lịch, qua các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram, Twitter và thông qua các hãng lữ hành; xây dựng công cụ nhận dạng thương hiệu Khu DLQG và phát triển đa dạng các tài liệu, ấn phẩm quảng bá, bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.

f) Giải pháp về phát triển thị trường và sản phẩm du lịch

- Phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, các điểm vui chơi giải trí, cơ sở lưu trú hướng tới các phân đoạn thị trường khác nhau. Đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí phù hợp với tính chất hoạt động của từng phân khu chức năng.

g) Giải pháp liên kết phát triển du lịch

- Xây dựng và tổ chức định kỳ hằng năm diễn đàn phát triển du lịch vịnh biển Lăng Cô và kết nối với các địa danh trong danh sách thành viên Câu lạc bộ các vịnh đẹp nhất thế giới nhằm trao đổi kinh nghiệm trong quản lý và phát triển du lịch.

- Đẩy mạnh liên kết, phát triển du lịch với các địa phương trên “Con đường di sản miền Trung” từ Quảng Bình đến Quảng Nam; với các điểm du lịch biển khác trên toàn dải ven biển miền Trung như Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Nhật Lệ

(Quảng Bình), Mỹ Khê, Non Nước (Đà Nẵng), Cửa Đại (Quảng Nam) để hình thành tuyến du lịch liên hoàn, đa dạng sản phẩm du lịch.

h) Giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai, quan trắc diễn biến xói lở bờ biển kết hợp kiểm soát an toàn thiên tai, phương án ứng phó thiên tai bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản đối với khu du lịch. Tổ chức thông tin, truyền thông và nâng cao năng lực về phòng chống thiên tai.

- Công bố, phổ biến, giám sát chặt chẽ hoạt động của các dự án đầu tư phát triển du lịch bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, hành lang bảo vệ bờ biển và tài nguyên biển và pháp luật liên quan. Các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghiên cứu xây dựng chương trình cấp nhãn xanh cho các cơ sở lưu trú. Phát triển đồng bộ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn năng lượng, nghiên cứu ứng dụng công

nghệ điện mặt trời trong các dự án du lịch

i) Giải pháp đảm bảo an ninh, quốc phòng

- Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh, quốc phòng, bảo vệ chủ quyền biển đảo; tạo điều kiện tốt nhất cho du lịch phát triển. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng công an, quân đội trên địa bàn trong hoạt động thanh tra, kiểm tra trong quá trình triển khai các dự án du lịch.

j) Giải pháp bảo tồn di tích và văn hóa địa phương

- Nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa của việc bảo tồn và phát huy giá trị tài nguyên du lịch văn hóa thông qua các chương trình giáo dục tìm hiểu về cội nguồn, bảo vệ môi trường xanh, và các tuyên truyền mang tính xã hội sâu rộng. Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào công tác bảo vệ rừng, biển và các di tích lịch sử văn hóa.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

### **UBND tỉnh Thanh Hóa phân cấp giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh**

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND phân cấp giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

#### **1. Phân cấp giải quyết sự cố công trình xây dựng**

UBND cấp huyện chủ trì giải quyết đối với sự cố cấp III.

#### **2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện khi chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng**

- Xem xét, quyết định dừng, tạm dừng thi công hoặc khai thác sử dụng đối với hạng mục

công trình, 1 phần hoặc toàn bộ công trình tùy theo mức độ và phạm vi sự cố.

- Xem xét, quyết định việc phá dỡ, thu dọn hiện trường sự cố trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu sau: Đảm bảo an toàn cho người, tài sản, công trình và các công trình lân cận. Hiện trường sự cố phải được các bên liên quan chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết để phục vụ công tác giám định nguyên nhân sự cố và lập hồ sơ sự cố trước khi phá dỡ, thu gọn.

- Thông báo kết quả giám định nguyên nhân

sự cố cho chủ đầu tư, các chủ thể khác có liên quan; các yêu cầu đối với chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc các bên có liên quan phải thực hiện để khắc phục sự cố;

- Xử lý trách nhiệm của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp cần thiết phải giám định

nguyên nhân sự cố, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh để UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018.

**Xem toàn văn tại  
([www.thanhhoa.gov.vn](http://www.thanhhoa.gov.vn))**

## **UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh**

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND phân cấp thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Những quy định khác liên quan đến cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan cấp giấy phép xây dựng; chủ đầu tư; tổ chức tư vấn xây dựng, thi công xây dựng và tổ chức, cá nhân liên quan đến cấp giấy phép xây dựng.

### **2. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng**

#### **a. Sở Xây dựng**

- Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II (bao gồm cả nhà ở riêng lẻ); công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình quảng cáo; công trình trên các tuyến trục phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

#### **b. Ban Quản lý Khu kinh tế**

- Cấp giấy phép xây dựng thuộc phạm vi quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp do đơn vị quản lý.

#### **c. UBND các huyện, thành phố Cà Mau**

- Cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm xã, khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý.

### **3. Thời hạn tồn tại công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn**

- Trường hợp quy hoạch xây dựng chưa xác định được thời gian thực hiện, thì thời hạn công trình được cấp giấy phép xây dựng áp dụng đối với quy hoạch phân khu là 05 (năm) năm, quy hoạch chi tiết xây dựng là 03 (ba) năm kể từ ngày quy hoạch xây dựng được duyệt hoặc kết quả rà soát quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

- Trường hợp Nhà nước chưa triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng thì chủ đầu tư được đề nghị cơ quan cấp giấy phép xem xét gia hạn thời gian tồn tại cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch xây dựng.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2018.

**Xem toàn văn tại ([www.camau.gov.vn](http://www.camau.gov.vn))**



## **Hội thảo “Các biện pháp kỹ thuật phòng ngừa tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình”**

Ngày 14/12/2018, tại Hà Nội, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng phối hợp với trường Đại học Kiến trúc Hà Nội tổ chức Hội thảo “Các biện pháp kỹ thuật phòng ngừa tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình”. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Dự Hội thảo có Phó Chủ tịch CĐXD Việt Nam Đỗ Văn Quảng, Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Phạm Minh Hà, Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội Lê Quân, đại diện các Bộ, ngành Trung ương, tổ chức JICA, các chuyên gia trong nước, quốc tế và các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cho biết, đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa thiết thực đối với đời sống người dân, góp phần đảm bảo an toàn xã hội, phát triển đất nước. Trong những năm qua, Bộ Xây dựng không ngừng hoàn thiện và đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến hệ thống chính sách pháp luật về an toàn lao động (ATLĐ) trong thi công xây dựng công trình, nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và các quy định về an toàn lao động đối với mọi tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng trên toàn quốc.

Đề cập đến một số trường hợp tai nạn lao động trong thi công xây dựng xảy ra thời gian gần đây, Thứ trưởng Lê Quang Hùng lưu ý đặc biệt đến việc đảm bảo an toàn đối với hệ thống giàn giáo xây dựng công trình và mong muốn các chuyên gia, đại biểu tham dự Hội thảo cùng nhau thảo luận, lựa chọn, đề xuất các biện pháp kỹ thuật hữu hiệu nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả đảm bảo an toàn đối với hệ thống giàn giáo nói riêng, ATLĐ trong thi công xây dựng



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng tham dự và phát biểu khai mạc Hội thảo*

công trình nói chung.

Trình bày tham luận “Công tác quản lý nhà nước về ATLĐ trong thi công xây dựng công trình”, ông Nguyễn Tuấn Ngọc Tú - Đại diện Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (Cục Giám định) cho biết: Cục Giám định được Bộ Xây dựng giao nhiệm vụ là cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng. Thời gian qua, Cục Giám định đã tích cực triển khai các quy định pháp luật về an toàn lao động, thực hiện quản lý an toàn máy móc, thiết bị sử dụng trong thi công xây dựng, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về an toàn lao động.

Bên cạnh đó, thực hiện nhiệm vụ được giao, Cục Giám định đã tập trung rà soát toàn bộ hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành có nội dung liên quan đến an toàn lao động trong thi công xây dựng, đồng thời nghiên cứu các hệ thống quản lý ATLĐ của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), các hệ thống quản lý ATLĐ thi công xây dựng của các nước phát triển trên thế giới để tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung xây dựng hệ thống Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam đảm bảo đồng bộ, phù hợp với trình độ phát triển của



*Ông Nguyễn Tuấn Ngọc Tú - Đại diện Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trình bày tham luận tại Hội thảo*



*Cố vấn cao cấp của tổ chức JICA Noda Seiji phát biểu tại Hội thảo*

khoa học công nghệ xây dựng hiện nay.

Theo đại diện Cục giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trích dẫn số liệu thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cho biết: Năm 2013, số vụ tai nạn lao động trong ngành Xây dựng chiếm tỷ lệ 30,6%, năm 2014 chiếm tỷ lệ 33,1%, năm 2015 chiếm tỷ lệ 35,2%, năm 2016 chiếm tỷ lệ 23,8%, năm 2017 chiếm tỷ lệ 25,8%, 06 tháng đầu năm 2018 chiếm tỷ lệ 21,8% tổng số vụ tai nạn của tất cả các ngành nghề. Các vụ tai nạn lao động trong thi công xây dựng không những làm thiệt hại về người, tài sản, còn gây những bức xúc xã hội, tạo tâm lý lo sợ cho người lao động và người dân đang sinh sống hoặc hằng ngày tham gia giao thông ngay bên dưới, bên cạnh công trình xây dựng.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục Giám định đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý Nhà nước về ATLĐ, thi công xây dựng. Công tác quản lý ATLĐ, thi công xây dựng ngày được các cơ quan chuyên môn về xây dựng quan tâm, chú trọng hơn, nhận thức của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng và người lao động được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ tai nạn lao động ngành Xây dựng có xu hướng giảm trong một vài năm gần đây (từ trên khoảng 30% - 33% xuống còn khoảng 23% - 25% tổng số vụ tai nạn lao động). Các cơ quan chuyên môn về xây dựng ở địa phương đã

nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bằng việc ban hành các Chỉ thị, văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác ATLĐ thi công xây dựng theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp xây dựng đã chủ động xây dựng quy trình quản lý ATLĐ trên cơ sở tham khảo hệ thống quản lý ATLĐ quốc tế, đầu tư chi phí thực hiện các biện pháp ATLĐ nhằm loại bỏ nguy cơ gây mất an toàn trong thi công xây dựng, nâng cao hiệu quả kiểm soát. Thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục hoàn thiện và xây dựng, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về ATLĐ phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo cơ bản đầy đủ các công cụ để quản lý ATLĐ. Thông qua các đợt huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và huấn luyện định kỳ theo quy định của pháp luật, ý thức về ATLĐ của người lao động ngày càng được nâng cao, đáp ứng cầu phát triển của ngành Xây dựng hiện nay.

Phát biểu tại Hội thảo, Cố vấn cao cấp của tổ chức JICA Noda Seiji cho biết, các biện pháp kỹ thuật phòng ngừa tai nạn lao động trong thi công xây dựng tại công trường chủ yếu do các nhà thầu thực hiện. Để ngăn ngừa tai nạn và đảm bảo tính mạng, sự an toàn cho người lao động, các nhà thầu phải thực hiện trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng với các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, đồng



Các chuyên gia trong nước, quốc tế tham dự Hội thảo

thời phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật về an toàn xây dựng, trong đó có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 18-2014/BXD “An toàn trong xây dựng”.

Theo Cố vấn cao cấp Noda Seiji, đến nay Việt Nam đã hoàn thiện khung pháp lý về an toàn xây dựng thông qua việc ban hành Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 1/7/2016 và Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong xây dựng công trình. Do đó, việc Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đề xuất sửa đổi, bổ sung QCVN 18-2014/BXD và chuẩn bị xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật mới là rất kịp thời và sẽ có đóng góp tích cực tới đảm bảo an toàn lao động trong xây dựng ở Việt Nam.

Cố vấn cao cấp Noda Seiji góp ý, trong quá

trình xây dựng quy chuẩn kỹ thuật mới, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cần xem xét kỹ các chức năng của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia dựa trên những góp ý của JICA và các tổ chức hoạt động về an toàn lao động trong xây dựng, khi đó khung pháp lý về an toàn lao động trong xây dựng của Việt Nam sẽ trở thành hình mẫu cho các nước đang phát triển học tập làm theo.

Tại Hội thảo, các chuyên gia, đại biểu khách mời đã thảo luận sôi nổi nhiều đề tài liên quan đến biện pháp kỹ thuật phòng ngừa tai nạn lao động trong thi công xây dựng công trình, như: Việc áp dụng các văn bản pháp luật và quy chuẩn về an toàn trong các dự án JICA tài trợ, đầu tư xây dựng tại Việt Nam; biện pháp kỹ thuật an toàn lao động khi thi công các bộ phận công trình trên cao; các nguy cơ mất an toàn lao động trong thi công xây dựng nhà cao tầng - biện pháp giám sát, phòng ngừa sự cố; nghiên cứu mô hình áp dụng hệ thống đánh giá rủi ro trong an toàn vệ sinh lao động cho các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ tại Việt Nam; an toàn giàn giáo trong xây dựng - góc nhìn từ thiết kế, biện pháp và thi công; công tác an toàn lao động trong thi công công trình hạ tầng giao thông; công tác quản lý an toàn lao động của tư vấn giám sát trong thi công xây dựng công trình.

Trần Đình Hà

## **Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro, xỉ nhiệt điện trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông”**

Ngày 17/12/2018, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro, xỉ nhiệt điện trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông” do nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Xây dựng Hà Nội thực hiện. PGS.TS.

Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ Khoa học và công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Trình bày Báo cáo thuyết minh tóm tắt đề tài trước Hội đồng, thay mặt nhóm nghiên cứu, PGS.TS. Hoàng Tùng - Chủ trì đề tài cho biết,

hiện nay ở Việt Nam, tầng móng nền đường (đối với đường bê tông nhựa) và mặt đường, nền đường (đối với đường bê tông xi măng) được sử dụng chủ yếu là đất đắp, đá, chất liên kết (vôi, xi măng) với khối lượng rất lớn, chi phí cao, gây lãng phí tài nguyên đất, ảnh hưởng xấu đến môi trường. Trong khi đó, các nhà máy nhiệt điện đang lưu giữ lượng lớn tro xỉ. Quy hoạch điện VII đã đưa ra dự báo, đến năm 2020, lượng tro, xỉ ở Việt Nam sẽ đạt khoảng 25,4 triệu tấn, khối lượng này sẽ tăng lên 29,3 triệu tấn, đến năm 2030 sẽ tăng lên 38,3 triệu tấn. Vì vậy, việc nghiên cứu sử dụng tro, xỉ nhiệt điện trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông là rất cần thiết, góp phần tiêu thụ tro, xỉ tại các nhà máy nhiệt điện.

Tổng hợp kinh nghiệm sử dụng tro, xỉ nhiệt điện của các nước trên thế giới, nhóm nghiên cứu nhận thấy, các nước như: Mỹ, Canada, Trung Quốc, Ấn Độ... sử dụng khá phổ biến tro, xỉ nhiệt điện trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông. Các nước này cũng đã ban hành sổ tay hướng dẫn xây dựng nền đường bằng tro bay, hướng dẫn thiết kế đường sử dụng tro, xỉ áp dụng tại công trường và tiêu chuẩn xây dựng nền đường bằng tro, xỉ...

Trong khuôn khổ của đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thí điểm ứng dụng tro, xỉ trong xây dựng công trình nền mặt đường ô tô, thực hiện tại tỉnh Hà Nam, với các nội dung: Gia cố đất, cải tạo đất, đắp nền. Nguồn tro, xỉ được lấy từ nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn. Sau thời gian thí điểm, nhóm nghiên cứu thu được kết quả: Với đất sét có thành phần hạt mịn, việc đưa tro, xỉ vào gia cố kết hợp với xi măng làm tăng hiệu quả sử dụng chất liên kết xi măng thông qua việc kích thích phản ứng pozzolanic, từ đó làm tăng cường độ của hỗn hợp; đối với vật liệu là đá phong hóa ở Hà Nam, việc sử dụng tro, xỉ để gia cố cho phép cải thiện rõ rệt giá trị modun đàn hồi; nền đường xây dựng hoàn toàn bằng tro xỉ cho phép đạt  $E=37\text{MPa}$  và tăng lên tới  $63\text{MPa}$  nếu đắp xen kẽ với các lớp đất.



Toàn cảnh cuộc nghiệm thu

Sau khi tiến hành nghiên cứu tổng quan kinh nghiệm quốc tế và tiến hành thí điểm ứng dụng tro, xỉ trong xây dựng công trình nền mặt đường ô tô và các thí nghiệm nhằm xác định những chỉ tiêu cơ lý của tro, xỉ các nhà máy nhiệt điện ở Việt Nam (phân loại theo AASHTO M145, tro, xỉ của các nhà máy nhiệt điện ở Việt Nam thuộc nhóm đất A3 - A4, lân cận A4), nhóm nghiên cứu kết luận có đủ cơ sở khoa học và thực tiễn để nghiên cứu, sử dụng tro, xỉ nhiệt điện trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông, song phải có hệ thống phòng nước, bắt buộc đắp bao taluy bằng đất dính, vải địa kỹ thuật và không dùng trong phạm vi tác dụng của nền đường.

Tại cuộc họp, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT Bộ Xây dựng đã đưa ra những nhận xét, góp ý về chuyên môn, giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo. Theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ theo Hợp đồng đã ký, thực hiện khối lượng rất lớn các công việc phức tạp, các sản phẩm đề tài đạt chất lượng tốt. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh đề tài, nhóm tác giả cần rà soát lại toàn bộ Báo cáo, chú ý chỉnh sửa các lỗi đánh máy, sử dụng thống nhất các thuật ngữ.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng, PGS.TS. Vũ Ngọc Anh đánh giá, nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã

thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo Hợp đồng đã ký, nội dung Báo cáo logic, đảm bảo cơ sở khoa học và thực tiễn.

Để hoàn chỉnh Báo cáo thuyết minh đề tài, PGS.TS. Vũ Ngọc Anh đề nghị nhóm tác giả tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng, rà soát, chỉnh sửa và sớm hoàn thiện Báo cáo, trình

lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu sử dụng tro, xỉ nhiệt điện trong xây dựng công trình nền và mặt đường giao thông”, do trường Đại học Xây dựng thực hiện.

Trần Đình Hà

## **Nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ “Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng”**

Ngày 25/12/2018, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức họp nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ “Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng” do nhóm nghiên cứu thuộc Trung tâm Thông tin - Bộ Xây dựng thực hiện. PGS.TS. Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Trình bày Báo cáo trước Hội đồng, thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS. Đặng Mạnh Tùng cho biết, mục tiêu của Nhiệm vụ là: Tăng cường khả năng kết nối liên tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin; tăng cường khả năng giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí và thời gian triển khai tại các đơn vị; nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, thực hiện các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế; xây dựng kế hoạch triển khai Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng từng giai đoạn, trong đó xác định rõ các thành phần, hệ thống công nghệ thông tin cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm của các đơn vị triển khai, thực hiện.

Nội dung nghiên cứu của Nhiệm vụ bao gồm: Khảo sát, đánh giá hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin và tình hình triển khai Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng; nghiên cứu tổng quan về Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng; nghiên cứu, xây dựng mô hình liên



*PGS.TS. Vũ Ngọc Anh - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp*

thông nghiệp vụ giữa các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng; xây dựng đặc tả và tương tác các thành phần Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng; nghiên cứu xây dựng lộ trình, kế hoạch và trách nhiệm triển khai các thành phần trong Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; Xây dựng dự thảo Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; khảo sát và chuẩn hóa thông tin để xây dựng, phân tích thiết kế, xây dựng ứng dụng phần mềm một cửa điện tử của Bộ Xây dựng; cài đặt, vận hành, chạy thử, tập huấn hướng dẫn vận hành và sử dụng phần mềm một cửa điện tử của Bộ Xây dựng.

Để thực hiện Nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu tổng quan các kinh nghiệm trong nước, quốc tế liên quan đến nhiệm vụ, đồng thời lập và thông qua mẫu



TS. Nguyễn Thành Phúc - Cục trưởng Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin truyền thông góp ý cho Nhiệm vụ



Toàn cảnh cuộc họp

phiếu điều tra với 30 tiêu chí thông tin trong 6 nhóm thông tin, gồm: Thông tin chung; dịch vụ công/dịch vụ công trực tuyến; các ứng dụng công nghệ thông tin và đề xuất; hạ tầng và an toàn thông tin; nguồn nhân lực và nhu cầu đào tạo; yêu cầu, nhu cầu đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin. Các mẫu phiếu điều tra này đã được gửi đến 25 đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng để thu thập thông tin, làm cơ sở thực tiễn triển khai các nội dung của Nhiệm vụ.

Sau hơn 1 năm thực hiện, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Nhiệm vụ, với bộ sản phẩm bao gồm:

- Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả khảo sát các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng về: Dịch vụ công/dịch vụ công trực tuyến; hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử của các đơn vị; yêu cầu đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin; ứng dụng nội bộ tại đơn vị và đề xuất; kênh truy nhập, tích hợp liên thông, hạ tầng và an toàn thông tin; đánh giá các hệ thống ứng dụng dùng chung hiện tại;

- Dự thảo Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng, gồm: Mục đích và phạm vi áp dụng của Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng; hiện trạng phát triển Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng; định hướng xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng; mô hình liên thông nghiệp vụ, thông tin; Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng.

Trong Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng, nhóm nghiên cứu xây dựng các nội dung bao gồm: Sơ đồ tổng thể Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ; nền tảng chia sẻ tích hợp cấp Bộ (LGSP) của Bộ Xây dựng; yêu cầu về kỹ thuật và nghiệp vụ đối với các thành phần trong Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ; các giải pháp, tiêu chuẩn công nghệ thông tin áp dụng cho Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ; lộ trình, kế hoạch và trách nhiệm triển khai các thành phần trong Kiến trúc Chính phủ điện tử; tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ.

- Dự thảo Lộ trình triển khai Chính phủ điện tử tại Bộ Xây dựng.

- Phần mềm một cửa điện tử của Bộ Xây dựng.

Tại cuộc họp, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã đưa ra những nhận xét, góp ý về chuyên môn, giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa Báo cáo. Theo nhận xét của Hội đồng, nhóm nghiên cứu thuộc Trung tâm Thông tin đã nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được giao, triển khai và hoàn thành khối lượng rất lớn các công việc, hoàn thành bộ sản phẩm đạt chất lượng tốt. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ, nhóm tác giả cần rà soát lại nội dung Báo cáo, chú ý biên tập lỗi dùng câu, đánh máy.

TS. Nguyễn Thành Phúc - Cục trưởng Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông,



*Giám đốc Trung tâm Thông tin Nguyễn Ngọc Quang phát biểu tiếp thu các ý kiến góp ý của Hội đồng*

chuyên gia phản biện nhận xét, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được giao, hoàn thành đầy đủ và đảm bảo chất lượng. Đặc biệt, phàm mềm một cửa điện tử cấp Bộ đã chứng minh hiệu quả thực tiễn khi được triển khai áp dụng tại Bộ Xây dựng, góp phần quan trọng vào giải quyết các thủ tục hành chính của Bộ. TS. Nguyễn Thành Phúc đánh giá dự thảo Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng tuân thủ và phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam Phiên bản 1.0 do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng, PGS.TS. Vũ Ngọc Anh nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của Chính phủ điện tử và sự cần thiết thực hiện Nhiệm vụ khoa học công nghệ "Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây

dựng", đồng thời đánh giá, nhóm nghiên cứu đã rất nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ theo Hợp đồng đã ký, tiến hành điều tra, khảo sát, tổng hợp và phân tích đầy đủ các số liệu cần thiết, các sản phẩm của Nhiệm vụ đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, được Hội đồng đánh giá cao.

Để hoàn chỉnh Báo cáo thuyết minh Nhiệm vụ, PGS.TS. Vũ Ngọc Anh đề nghị nhóm nghiên cứu phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng hoàn thiện quy trình xử lý hồ sơ hành chính tại các đơn vị, đồng thời tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng, rà soát, chỉnh sửa và sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết Nhiệm vụ.

Cảm ơn các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã có những nhận xét, góp ý rất hữu ích đối với nhóm nghiên cứu, Giám đốc Trung tâm Thông tin Nguyễn Ngọc Quang cho biết sẽ chỉ đạo nhóm nghiên cứu tiếp thu đầy đủ các ý kiến đóng góp của Hội đồng để chỉnh sửa, hoàn thiện Báo cáo nhiệm vụ đảm bảo chất lượng cao nhất.

Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu Nhiệm vụ khoa học công nghệ "Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng", với kết quả đạt loại Khá.

**Trần Đình Hà**

## **Nghiệm thu các dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam do Hội Bê tông Việt Nam biên soạn**

Ngày 27/12/2018 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu các dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) do Hội Bê tông Việt Nam biên soạn, bao gồm TCVN ...2018 "Dầm bê tông ứng suất trước đúc sẵn dạng Super-T: Phân loại, Yêu cầu vật liệu và kích thước cơ bản"; TCVN...2018 "Hố ga bê tông cốt thép

đúc sẵn hình trụ". Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng - TS. Nguyễn Quang Hiệp chủ trì cuộc họp.

Trình bày thuyết minh và nội dung chính của dự thảo TCVN...2018 "Dầm bê tông ứng suất trước đúc sẵn dạng Super-T: Phân loại, Yêu cầu vật liệu và kích thước cơ bản", chủ nhiệm Dự án - KS. Trần Quốc Tế cho biết, dầm Super

-T đã được đưa vào Việt Nam từ năm 1997 và được sử dụng ngày càng nhiều trong các dự án xây dựng cầu đường, như cầu Mỹ Thuận, cầu Tân Đệ, Quý Cao, Rạch Miễu, Cần Thơ, các cầu thuộc dự án cao tốc Sài Gòn - Trung Lương, cầu cạn vành đai III Hà Nội...Tuy nhiên, hiện nay trong hệ thống Tiêu chuẩn Việt Nam chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia nào đối với loại dầm này. Do đó, Bộ Xây dựng đã giao cho Hội Bê tông Việt Nam nghiên cứu, biên soạn TCVN...2018 "Dầm bê tông ứng suất trước đúc sẵn dạng Super-T: Phân loại, Yêu cầu vật liệu và kích thước cơ bản".

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn, nhóm dự án đã tiến hành thu thập, tham khảo các tài liệu kỹ thuật trong nước và nước ngoài, kết hợp việc khảo sát thực tế việc sản xuất dầm Super -T tại một số dự án xây dựng cầu trong nước. Dự thảo tiêu chuẩn được biên soạn theo quy cách của tiêu chuẩn quốc gia TCVN, bao gồm các mục: Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ - định nghĩa; Phân loại và ký hiệu quy ước; Yêu cầu về vật liệu, bê tông, phụ kiện và phụ liệu; Yêu cầu về kích thước cơ bản và mức sai lệch cho phép.

Về dự thảo TCVN...2018 "Hố ga bê tông cốt thép đúc sẵn hình trụ", kỹ sư Trần Quốc Tế cho biết, so với các hố ga xây gạch và đổ bê tông tại chỗ, hố ga bê tông đúc sẵn có nhiều ưu điểm hơn vì được sản xuất trong nhà máy, chất lượng ổn định và được kiểm soát, thi công nhanh, do đó được nhiều nhà đầu tư và nhà thầu quan tâm. Hố ga hình trụ bằng bê tông cốt thép đúc sẵn đang được sản xuất tại Công ty cổ phần bê tông sông Đáy theo công nghệ Nhật Bản. Để có đủ cơ sở pháp lý trong quản lý chất lượng, tư vấn thiết kế, xây dựng đơn giá... rất cần xây dựng và ban hành một tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia TCVN cho sản phẩm này, đồng thời góp phần hoàn thiện đồng bộ nhóm TCVN về các sản phẩm bê tông cốt



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

thép đúc sẵn dùng cho xây dựng các công trình thoát nước.

Tiêu chuẩn này được nhóm nghiên cứu biên soạn dựa trên tiêu chuẩn của Nhật Bản và các tài liệu kỹ thuật trong nước và ngoài nước liên quan đến hố ga bê tông đúc sẵn hình trụ.

Nhận xét về các dự thảo TCVN do nhóm nghiên cứu của Hội Bê tông Việt Nam biên soạn, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng đều đánh giá các dự thảo TCVN đã được biên soạn với chất lượng tốt, trình bày rõ ràng, dễ hiểu, theo đúng quy định về cấu trúc của TCVN. Tuy nhiên, các chuyên gia của Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến cụ thể để nhóm nghiên cứu hoàn thiện thuyết minh và các dự thảo tiêu chuẩn, như cập nhật các phiên bản tiêu chuẩn mới trong phần tài liệu viện dẫn, sửa một số thuật ngữ chuyên ngành, thống nhất về ký hiệu, rà soát các bản vẽ, cũng như đề nghị thay đổi một số chỉ tiêu về khuyết tật ngoại quan và kích thước cơ bản của hố ga, dầm super-T.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu Nguyễn Quang Hiệp đề nghị nhóm tác giả tiếp thu ý kiến của các thành viên Hội đồng, trong các dự thảo TCVN cần chỉnh sửa phần giới thiệu và phạm vi áp dụng, bổ sung tài liệu viện dẫn phiên bản mới, loại bỏ các tài liệu mà dự thảo tiêu chuẩn không tham chiếu, biên



tập thuật ngữ, ký hiệu, hình vẽ và bảng biểu. Riêng dự thảo TCVN về dầm bê tông đúc sẵn Super-T, cần xin ý kiến của Bộ Giao thông, Đại học Giao thông vận tải.

Cả hai dự thảo TCVN do Hội Bê tông Việt

Nam biên soạn đã được Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ của Bộ Xây dựng bỏ phiếu thông qua, với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

## Hội thảo “Định hướng chính sách quản lý và thúc đẩy phát triển công trình xanh tại Việt Nam”

Ngày 27/12/2018, tại Hà Nội, đã diễn ra Hội thảo “Định hướng chính sách quản lý và thúc đẩy phát triển công trình xanh tại Việt Nam” do Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Bộ Xây dựng tổ chức, nhằm tham vấn ý kiến các chuyên gia để xây dựng định hướng chính sách và thúc đẩy phát triển công trình xanh tại Việt Nam, đảm bảo phù hợp với điều kiện khoa học công nghệ thực tế của đất nước và hội nhập quốc tế.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Trần Khánh Trung - Chủ tịch CLB Kiến trúc xanh TP. Hồ Chí Minh cho biết, tại Việt Nam hiện nay áp dụng phổ biến 6 hệ thống đánh giá công trình xanh, gồm: LEED (Mỹ); GREEN MARK (Singapore); LOTUS (Hội đồng công trình xanh Việt Nam); VACEE (Hội Môi trường xây dựng Việt Nam); Hệ thống tiêu chí công trình xanh của Hội Kiến trúc sư Việt Nam và Edge của Tổ chức Tài chính Ngân hàng Thế giới (IFC).

Trong 6 hệ thống đánh giá công trình xanh nói trên, ngoại trừ Edge chỉ có 3 tiêu chí (năng lượng, nước và vật liệu), 5 hệ thống đánh giá CTX còn lại đều đề cập đến cả 5 tiêu chí cơ bản là: Nội thất, vật liệu, địa điểm, sử dụng nước và năng lượng.

Trình bày tham luận tại Hội thảo, PGS.TS. Nguyễn Thúy Loan - Phó Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia cho biết, trên thế giới hiện nay phổ biến 2 phong trào công trình xanh, đó là: Phong trào công trình xanh do các tổ chức phi chính phủ (NGO) khởi xướng và điều hành hệ thống đánh giá, như ở Mỹ, Úc, các nước châu Âu (nhận được sự ủng hộ của Chính phủ các



Toàn cảnh Hội thảo

nước) và phong trào công trình xanh do Chính phủ khởi xướng và điều hành hệ thống đánh giá chính thức, có sự tham gia của các tổ chức NGO, như: Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Singapore...

Nghiên cứu kinh nghiệm thực tế của Đài Loan trong phát triển công trình xanh, PGS.TS. Nguyễn Thúy Loan đánh giá, Đài Loan là một điển hình về phát triển công trình xanh của châu Á. Từ năm 2005, Đài Loan đã đưa nội dung công trình xanh vào một chương trong quy chuẩn xây dựng (QCXĐ) của Đài Loan, là ngưỡng thấp nhất của chính sách công trình xanh và bắt buộc phải áp dụng cho mọi công trình xây dựng. Đến năm 2017, QCXD này được chỉnh sửa theo hướng nâng cao hơn yêu cầu “xanh” trong công trình xây dựng.

Nhờ những chính sách thúc đẩy phát triển công trình xanh, đến tháng 7/2018, Đài Loan đã có 7.257 công trình xanh, giúp tiết kiệm 1.761 tỷ kWh điện, 8.347 triệu tấn nước mỗi năm, tiết kiệm tổng chi phí điện nước khoảng 6.997 tỷ

Tân Đài tệt/năm.

Theo PGS.TS. Nguyễn Thúy Loan, Việt Nam hiện nay cần thống nhất định nghĩa về công trình xanh và chọn một hệ thống đánh giá chính thức công trình xanh làm cơ sở để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển công trình xanh toàn quốc và áp dụng bắt buộc công trình xanh đối với các công trình vốn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở hạ tầng liên quan và triển khai thí điểm công trình xanh, đồng thời khuyến khích phát triển công trình xanh từ nguồn vốn tư nhân, phát triển nguồn nhân lực và thực hiện chiến lược truyền thông về công trình xanh.

Tại Hội thảo, các chuyên gia đã thảo luận sôi nổi, đánh giá cụ thể các ưu điểm, hạn chế của các hệ thống tiêu chí công trình đang áp dụng tại Việt Nam, đồng thời thống nhất quan điểm, Việt Nam cần sớm lựa chọn một hệ thống tiêu chí công trình xanh và kiến nghị Bộ Xây dựng đề xuất Thủ tướng Chính phủ triển khai Đề án về công trình xanh

TS. Nguyễn Trung Hòa - nguyên Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Bộ Xây dựng) nhấn mạnh những ưu điểm của hệ thống đánh giá công trình xanh LEED khi đây được coi là hệ thống đánh giá công trình xanh toàn cầu, được rất nhiều quốc gia trên thế giới công nhận, áp dụng. Do đó, sẽ là hợp lý nếu Việt Nam lựa chọn LEED làm hệ thống đánh giá

công trình xanh chính thức. Trong khi đó, chuyên gia Yannick Millet - Cố vấn kỹ thuật cao cấp quốc tế của Dự án EECB rất mong Việt Nam có riêng một hệ thống tiêu chí đánh giá công trình xanh, chứ không phải là lấy một hệ thống tiêu chí đánh giá công trình của nước ngoài làm hệ thống đánh giá công trình xanh cho Việt Nam.

Kết luận Hội thảo, Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học KHCN và môi trường Bộ Xây dựng Nguyễn Công Thịnh cảm ơn các chuyên gia trong nước và quốc tế đã thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng giúp Bộ Xây dựng định hướng chính sách quản lý và thúc đẩy phát triển công trình xanh tại Việt Nam. Về việc lựa chọn hệ thống tiêu chí công trình xanh cho Việt Nam, ông Nguyễn Công Thịnh cho rằng cần phải thành lập tổ chuyên gia gồm thành viên của các tổ chức có liên quan, cùng thảo luận, thống nhất lựa chọn hệ thống tiêu chí đánh giá công trình xanh phù hợp với Việt Nam. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng cũng sẽ xem xét đề xuất Chính phủ triển khai Đề án công trình xanh nhằm đẩy mạnh hoạt động tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đảm bảo phát triển bền vững đất nước.

**Trần Đình Hà**

## **Hội thảo khoa học công nghệ “Kiến trúc với thế giới công nghệ số”**

Ngày 28/12/2018, tại Hà Nội, Viện Kiến trúc quốc gia tổ chức Hội thảo khoa học công nghệ “Kiến trúc với thế giới công nghệ số”. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội thảo.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn cho biết, hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã và đang đẩy mạnh áp dụng công nghệ số vào công tác quy hoạch, kiến trúc góp phần tăng

cường hiệu quả của công tác quản lý đô thị và phát triển đất nước. Đài Loan là một trong những điển hình của khu vực châu Á về việc kết hợp giữa công nghệ số và kiến trúc. Do đó, đúc rút kinh nghiệm từ Đài Loan là rất bổ ích đối với các chuyên gia Viện Kiến trúc quốc gia.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chỉ đạo Viện Kiến trúc quốc gia tăng cường hợp tác với các chuyên gia công nghệ thông tin trong nước và



*Thủ trưởng Nguyễn Đình Toàn phát biểu tại Hội thảo*

quốc tế nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, cập nhật và áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quy hoạch, kiến trúc, nhằm nâng cao trình độ chuyên gia của Viện nói riêng, nền kiến trúc Việt Nam nói chung.

Trình bày tham luận “Công nghệ mới và những tác động đến quy hoạch, kiến trúc của cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại Việt Nam”, ThS. Nhà báo Đỗ Hữu Lực - Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin - Bộ Xây dựng cho biết, hiện nay, công nghệ mới đang mang lại cho hoạt động quy hoạch, kiến trúc những sự trợ giúp to lớn, như: Trí tuệ nhân tạo (AI) giúp hỗ trợ ra quyết định; công nghệ dữ liệu lớn (Big DATA), công nghệ 3D, công nghệ GIS hỗ trợ các hệ thống mô phỏng phát triển, từ đó giúp các chuyên gia làm quy hoạch có thể lựa chọn các phương án quy hoạch tối ưu nhất.

Theo ThS. Nhà báo Đỗ Hữu Lực, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã bám rễ sâu và rộng trên toàn bộ các quốc gia và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Chính phủ Việt Nam đã có định hướng và có nhiều chính sách tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển. Do đó, tiềm năng khai thác các lợi thế to lớn từ ứng dụng khoa học công nghệ mới, công nghệ trụ cột của cách mạng công nghiệp 4.0 là rất lớn và ngay lúc này, các chuyên gia làm công tác quy hoạch, kiến trúc sư, cán bộ quản lý đô thị cần chủ động nắm bắt cơ hội nhằm đưa lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc, quản lý đô thị



*Toàn cảnh Hội thảo*

ở Việt Nam bắt kịp với các quốc gia tiên tiến trên thế giới, qua đó góp phần đưa đất nước trở thành một trong những quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến.

Với bài trình bày “Kiến trúc trong dòng chảy số”, Ths.KTS Nguyễn Huy Khanh - Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty tư vấn VNCC đã khái quát tình hình áp dụng công nghệ số vào thiết kế kiến trúc ở Việt Nam. Theo Ths.KTS Khanh, về tổng thể, Việt Nam luôn bám sát các thành tựu của công nghệ số trên thế giới nói chung và trong thiết kế xây dựng nói riêng. Thị trường xây dựng của Việt Nam trong hơn một thập kỷ qua đã phát triển mang tính bùng nổ, được xếp hạng top đầu trên thế giới. Chính vì tốc độ tăng trưởng chóng mặt này đã tạo động lực là áp lực đòi hỏi công tác thiết kế phải đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ thông tin nói chung và công nghệ số nói riêng.

Ths.KTS Nguyễn Huy Khanh cũng nêu lên những thách thức, rào cản trong việc áp dụng công nghệ số vào thiết kế kiến trúc ở Việt Nam, như: Các vấn đề liên quan đến hạ tầng kiến trúc thông tin còn yếu, chưa đồng bộ, việc đầu tư chưa đúng với yêu cầu nên đã hạn chế rất nhiều việc áp dụng công nghệ thông tin và công nghệ số vào thực tế. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng toàn diện các lĩnh vực cũng là yếu tố gây nên sự lúng túng và thiếu nhất quán cho toàn hệ thống.

Tại Hội thảo, các chuyên gia và đại biểu khách mời đã thảo luận nhiều nội dung hấp dẫn

xoay quanh chủ đề của Hội thảo, như: Chuyển đổi số trong ngành xây dựng và tác động đối với nghề kiến trúc; thiết kế trải nghiệm thương mại 3D/VR - cuộc cách mạng trong thiết kế, sản xuất và thương mại nội thất; công nghệ thành phố ảo trong quy hoạch và quản lý đô thị tại Việt Nam.

Phát biểu kết luận Hội thảo, Viện trưởng Viện Kiến trúc quốc gia Đỗ Thanh Tùng cảm ơn Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn, các chuyên gia và đại biểu khách mời đã tham

dự Hội thảo, tiến hành thảo luận và thể hiện nhiều quan điểm, góc nhìn mới về mối liên hệ giữa kiến trúc với thế giới công nghệ số, đồng thời đưa ra những ý kiến góp ý, định hướng quan trọng nhằm giúp Viện Kiến trúc quốc gia có thêm những cơ sở vững chắc để xây dựng, tăng cường nghiên cứu, cập nhật và áp dụng công nghệ số vào hoạt động kiến trúc.

Trần Đình Hà

## Những xu hướng của môi trường đô thị nhằm thích ứng với các điều kiện khí hậu tự nhiên và các điều kiện do con người tạo nên

Phạm trù “khả năng thích ứng” như một hiện tượng của văn hóa thiết kế luôn tồn tại và đi kèm với tất cả các giai đoạn phát triển của nền văn minh - từ xã hội nguyên thủy đến sự hình thành môi trường thông tin toàn cầu ngày nay. Trong lý luận thiết kế, “khả năng thích ứng” là thuộc tính của môi trường vật chất và trí tuệ xung quanh có thể thay đổi các thông số phù hợp với các bài toán tiêu thụ tối ưu của mình. Sự cần thiết càng tăng cao do tác động của các điều kiện khí hậu bất lợi, sự thay đổi thường xuyên của các quá trình trong môi trường, yêu cầu ngày càng cao của con người đối với tính tiện nghi, và các yếu tố khác.

Một vấn đề đáng lưu ý là những thay đổi thực trạng môi trường (thay đổi các quá trình, hành động của con người, sự biến đổi các hình thức,...) thường được xác định không phải bởi các yếu tố riêng biệt, mà bởi sự phối hợp hoạt động của các yếu tố đó, đồng thời “khối lượng” của mỗi yếu tố đều liên quan chặt chẽ với loại môi trường thích ứng. Chẳng hạn: Trong môi trường đô thị, nhóm yếu tố hạn chế là điều kiện khí hậu tự nhiên (thay đổi nhiệt độ theo mùa và hàng ngày, bão lũ,...) và nhân tạo (chấn động,

ô nhiễm không khí...). Khi xem xét mối tương tác “con người – môi trường”, do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên (tuyết rơi, mưa, bão...), quá trình thích ứng sẽ chuyển về phía con người, buộc con người phải tự điều chỉnh các kế hoạch, hoạt động trong môi trường, hình thức bên ngoài của mình (ví dụ: trượt băng, trượt tuyết vào mùa đông; chèo thuyền vào mùa hè; các phụ kiện cá nhân thay đổi theo mùa như áo mưa, ô, quần áo...).

Tuy nhiên, sự phát triển các ý tưởng về khả năng thích ứng trong văn hóa thiết kế (bao gồm cả lĩnh vực thiết kế cảnh quan) đang tiệm cận sự đảo chiều của các mối tương tác, và chịu sự chi phối của thực tiễn thiết kế toàn cầu.

Xu thế này đặc biệt cấp thiết đối với các không gian công cộng trong đô thị, thường là các công viên đa năng, vườn hoa, quảng trường, khu vực ven bờ...

Một trong những phẩm chất đặc thù của các không gian công cộng là sự chiếm ưu thế của các yếu tố tự nhiên. Các nguyên tắc cơ bản, các công nghệ để làm việc với các yếu tố đó được hình thành từ thời kỳ xa xưa. Việc vận dụng các yếu tố tự nhiên (địa hình, nước, không



*Quảng trường Cộng hòa (Paris, Pháp) – ví dụ cải thiện điều kiện khí hậu thông qua các biện pháp truyền thống và hiện đại*

khí, động thực vật, đất) để giảm tác động tiêu cực của các điều kiện bên ngoài (nắng nóng, mưa, lũ lụt, bão, ô nhiễm không khí...) đã được đề cập cụ thể trong rất nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Nga và thế giới. Tác giả bài viết chỉ muốn nhấn mạnh một trong các vấn đề cơ bản các nhà thiết kế cần lưu ý khi điều chỉnh các không gian mở - cảnh quan là một phạm trù tổng hợp, toàn diện, mỗi sự cải cách đơn lẻ trong tổng thể đều có xu hướng trở thành nguồn gốc của một loạt hệ quả phá vỡ trạng thái ban đầu (ví dụ: sự biến đổi địa hình sẽ kéo theo sự thay đổi về phân bố lượng không khí và nước, chế độ nhiệt, phơi sáng, phân bố hệ thực vật và các thuộc tính của hệ thực vật...). Cũng cần xét tới một vấn đề nữa: tính thích ứng của các yếu tố cảnh quan thay đổi rất mạnh do các chu trình tự nhiên. Tất cả những điều vừa nêu chính là nguyên nhân để các yếu tố tự nhiên của môi trường đô thị chuyển thành các công cụ thích ứng “mềm”, thân thiện môi trường và thường thiếu ổn định.

Bên cạnh đó, xét từ góc độ tác động về mặt thẩm mỹ - cảm xúc, các yếu tố tự nhiên vẫn là một phần không thể tách rời và quan trọng nhất của mỗi đô thị.

Như vậy, sự cần thiết ổn định hiệu ứng thích nghi thông qua các yếu tố kiến trúc, kỹ thuật -



*Các “cây” trên Eco – Boulevard tại Madrid, Tây Ban Nha – ví dụ ứng dụng các thiết bị “lai” để tạo sự thích ứng cho một vùng vi khí hậu*

công nghệ và thiết kế đã xuất hiện từ thời xa xưa, song ngày nay, giải pháp kết hợp sự hiểu biết mới về các nhiệm vụ vận hành môi trường với sự tổng hợp mọi năng lực hình thành môi trường đã tạo ra những dạng thức mới chưa từng có trong lịch sử. Có thể chia các biện pháp thiết kế thực tại và thiết kế khám phá (thử nghiệm) thành ba nhóm lớn :

- Giảm nhẹ và cải thiện các đặc điểm khí hậu của môi trường thông qua việc kết hợp hữu cơ các yếu tố thích ứng truyền thống và hiện đại (không phân biệt người có nhu cầu);
- Biến đổi khí hậu cục bộ do các hình thức “lai” (hybrid) của môi trường;
- Giám sát liên tục các tính chất cơ bản của môi trường (vi khí hậu, ô nhiễm, tiếng ồn,...) thông qua việc sử dụng các công nghệ cải tiến (thay đổi vùng vi khí hậu có thể phụ thuộc vào nhu cầu tập thể cũng như cá nhân).

Nhóm thứ nhất tập trung vào các mục tiêu thích ứng tổng thể, không tách biệt các sở thích cá nhân. Quảng trường Cộng hòa tại Paris, Pháp (Place de la République) là một ví dụ, một “đảo nhiệt” phá vỡ phong môi trường đô thị. Để giảm thiểu sự quá nhiệt của môi trường, vấn đề sử dụng các phiến gạch lát phản quang đã được giải quyết. Cây xanh với tán lá dày đặc cho bóng mát, đồng thời góp phần thanh lọc

bầu không khí; còn các “đài phun nước khô” đảm bảo việc làm mát bổ sung và sự tiện nghi âm thanh.

Biến đổi hoặc giảm nhẹ điều kiện khí hậu thông qua việc ứng dụng thiết bị thiết kế và thiết bị kỹ thuật đã cho ra đời một loạt thử nghiệm trong lĩnh vực “ảo ảnh khí hậu” không phải đặc thù cho một khu vực cụ thể. Đây là một kiểu “trò chơi” với vùng vi khí hậu, thiên về tính cảm nhận và liên tưởng hơn là thực tế. Gian triển lãm của Áo tại EXPO Milan 2015 là một ví dụ, các hệ thống mô hình nhiệt “thay thế” không khí nóng bức của Milan bằng bầu không khí của một khu rừng Áo mát mẻ.

Các thiết bị “lai” phát triển ( đó là những máy móc tổ hợp đa năng kết nối các công cụ khác nhau có thể thúc đẩy khả năng thích ứng của môi trường với con người, hướng tới cả sự thích ứng riêng và thích ứng chung) trở thành phương tiện “thích ứng” hơn cả trong việc hình thành môi trường cảnh quan – đây là nhóm thứ hai của các tìm kiếm thiết kế. Ví dụ về công nghệ “lai” là “ba cây không gian” hướng tới việc tăng cường hoạt động xã hội của một đại lộ tại Madrid, Tây Ban Nha, Eco-Boulevard. (ý tưởng thuộc về nhóm kiến trúc sư Ecosistema Urbano). Các “cây” thực hiện hai mục tiêu cơ bản: xã hội (tạo hoạt động xung quanh) và sinh thái (tạo sự thích ứng với khí hậu vi sinh). Những thay đổi vùng vi khí hậu diễn ra nhờ hệ thống điều hòa không khí thụ động. Các hệ thống này thường cơ động và có thể di chuyển đến bất kỳ địa điểm nào đòi hỏi việc kích ứng. Về bản chất, đó là ví dụ không những về khả năng thích ứng được thể hiện tích cực, mà còn là sự tổng hợp nghệ thuật: tập hợp các ý tưởng được thể hiện bằng hình ảnh cây với khả năng sinh tồn và tạo ra một khu vực tiện nghi của chính mình.

Nhóm thứ ba được hình thành bởi các phương án hiện đại nhằm hình thành môi



*Thiết bị kỹ thuật và thiết kế có chức năng lõi kiểm soát và điều chỉnh các điều kiện khí hậu trong Jade Eco Park (Đài Loan)*

trường thích nghi, không chỉ nhằm mục đích hình thành các điều kiện tối ưu, mà còn hướng tới mục tiêu cá nhân hóa các điều kiện đó. Bên cạnh đó, các phương án áp dụng các thiết bị kỹ thuật hiện đại và thiết bị truyền thống vượt xa ngoài khuôn khổ các quy tắc được chấp nhận chung để hiểu các vấn đề thích ứng hoặc phát triển của một đô thị tổng thể. Do tính cấp tiến của các ý tưởng thiết kế đụng chạm trực tiếp tới tính bảo thủ truyền thống của thiết kế cảnh quan (nơi các hiện tượng thiên nhiên với các quy luật và nhịp điệu của mình chiếm ưu thế), nên hầu hết các ý tưởng này đều mang tính thử nghiệm và nhằm mục đích chung là xác định lộ trình tiếp theo của xu thế này.

Một trong những ví dụ điển hình nhất trong lĩnh vực này là Jade Eco Park tại Đài Loan, tác giả thiết kế là kiến trúc sư F. Ram. Trong cơ cấu công viên có nhiều cải cách đã được thử nghiệm, và những sự cách tân này sẽ còn tiếp tục được nghiên cứu và phát triển trong thực tiễn thiết kế cảnh quan thế giới. Trong công viên hình thành mười một khu vực thời tiết, với việc hiệu chỉnh các thông số cần thiết đối với môi trường thông qua các biện pháp “tự nhiên” (tưới nước, chọn lọc cây, các nguyên tắc quy hoạch) và các máy móc nhân tạo công nghệ cao.

Thuộc nhóm thứ ba có các hệ thống đối lưu



*Liupanshui Minghu Wetland Park*

ngâm, thiết bị tưới và trao đổi chất, các thiết bị hút bụi và lọc không khí được kết nối với các thiết bị siêu âm để đuổi muỗi. Khi cần thiết, các điều kiện có thể được điều chỉnh và kiểm soát bằng tay, và nếu cần vùng vi khí hậu nhất định để tổ chức một hoạt động tại một khu vực nào đó trong công viên, chỉ cần đặt những thông số cần thiết cho kịch bản.

Những xu thế trên không phải là toàn bộ phạm vi các tìm kiếm liên quan, nhưng đó là những xu thế dễ nhận biết nhất hiện nay và, về nguyên tắc, khá hấp dẫn trong các kế hoạch sáng tạo. Nhìn chung, ngày nay, sự ra đời các giải pháp nổi bật ở tính sáng tạo, sự mới mẻ, tính nguyên bản và các quy tắc khác về sự hình thành tổ hợp các giải pháp thích ứng là nét đặc trưng để hình thành môi trường thích ứng. Sự xuất hiện của các giải pháp này được thúc đẩy bởi một số tính chất đặc thù:

Trước hết, các dự án thử nghiệm của các phòng thí nghiệm (nhóm Hyperbody, EcoLogic Studio, SPARC, Roosegaarde studio, E. Diller và R. Scofidio, các nghiên cứu của B. Cantrell, C. Osterhaus...) đang ngày càng phổ biến, và đa phần trong số đó “thiếu thực tế” mà thiên về cảm xúc, đặc trưng không phải cho chức năng của các hình thái môi trường, mà là cơ chế tiêu thụ của các hình thái đó (tính tương tác, “phản hồi”, việc tích hợp các nhiệm vụ khác nhau

trong một nguyên tắc hoạt động) hoặc các mức độ cảm nhận và mức độ sử dụng (linh hoạt, mềm dẻo...). Điều này góp phần vào sự phát triển của xu hướng “cảnh quan phản ứng”.

Tiếp theo, sự xuất hiện của các giải pháp thường gắn liền với sự khái quát hóa các quan điểm về sự cải thiện không phải từng khía cạnh riêng lẻ bài toán tiêu thụ của môi trường, mà là phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khác nhau của quá trình này. Như vậy, giải pháp môi trường ngày càng trở nên cấp thiết, trong đó xu hướng hội nhập được thể hiện rõ nét (ví dụ, sự kết hợp về mặt chức năng các hình thức bên trong và bên ngoài) và sự thống nhất về quy mô, định hướng cảm xúc và tính toàn vẹn chức năng (Gardens at the Bay tại Singapore, kênh Fakuoka).

Điều này dẫn đến sự hình thành các không gian “lai”, tổng hợp, có khả năng phản ứng lại với người tiêu thụ, tự thay đổi các thông số vi khí hậu tùy thuộc vào hoạt động quy trình (các quy trình tại Jade Eco Park là ví dụ), kháng lại các hiện tượng tiêu cực tự nhiên hoặc nhân tạo (ví dụ tiêu biểu nhất là Liupanshui Minghu Wetland Park tại tỉnh Quý Châu, Trung Quốc).

Công viên đầm lầy Minghu được hình thành trên một khu vực gồm các mảng đất ngập nước bị thoái hóa nghiêm trọng, các ao cá, ruộng hoa màu bỏ hoang. Cả khu vực toàn các bãi rác, nước mặt bị ô nhiễm.

Là một nhiệm vụ trong chiến dịch cải thiện môi trường quy mô, chính quyền thành phố đã giao cho nhóm các nhà thiết kế cảnh quan nghiên cứu kế hoạch tổng thể để giải quyết các vấn đề môi trường vô cùng cấp bách trong khu vực: Ô nhiễm nước, nước mưa gây ngập úng, hình thành không gian công cộng, không gian xanh đáp ứng sự bùng nổ dân số đô thị.

Chiến lược làm chậm dòng chảy của nước mưa từ các sườn đồi, tạo cơ sở hạ tầng sinh thái

trên cơ sở nước nhằm trữ và xử lý nước mưa, biến nước thành yếu tố tích cực trong việc tái tạo hệ sinh thái đã được vận dụng. Thông qua tổ hợp các biện pháp thiết kế, tái tạo, một khu vực ven đô bị xuống cấp đã biến thành khu công viên đất ngập nước nổi tiếng, với chức năng là một bộ phận chính của thành phố, hạ tầng sinh thái phát triển.

Các không gian “lai” tổng hợp chính là chất

xúc tác thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển các nguyên tắc bền vững, tính sinh thái và khả năng thích ứng của môi trường./.

**E.Gagarina**

**Viện Hàn lâm kiến trúc quốc gia Moskva**

*Nguồn: Tạp chí Nghiên cứu Khoa học*

*Quốc tế tháng 4/2017*

**ND: Lê Minh**

## Hỗn hợp bê tông nhựa đúc

Liệu hỗn hợp bê tông nhựa đúc trong tương lai có thể ứng dụng rộng rãi trong xây dựng đường bộ không?

Vấn đề kéo dài thời gian giữa các lần sửa chữa các tuyến đường cao tốc có thể được giải quyết bằng nhiều biện pháp - bằng cách chọn hỗn hợp bê tông nhựa tối ưu cho từng vùng khí hậu và tự nhiên (SPAS - Superpave), bằng cách gia cố các lớp lót dưới lớp áo đường bằng những lớp bê tông mỏng, làm đường bê tông. Tuy nhiên, có một lĩnh vực rất thích hợp để sử dụng hỗn hợp bê tông nhựa đúc - xây dựng cầu.

Bê tông nhựa polymer đúc có thành phần sỏi dăm nghiền, cát nghiền, bột khoáng và chất kết dính bitum polymer. Vật liệu được sản xuất và rải thành lớp phủ ở nhiệt độ từ 190 - 230°C ở trạng thái chảy lỏng hoặc nhót mà không đầm nén, được vận chuyển trong các thùng giữ nhiệt đặc biệt. Tại Nga đang có một số văn bản tiêu chuẩn hiện hành về ứng dụng hỗn hợp bê tông nhựa đúc, tuy nhiên, các tiêu chuẩn này cần phải được cập nhật.

Nhựa đường đúc được rải ở nhiệt độ ngoài trời có thể tới -10°C. Mức độ bám dính cao của bê tông nhựa đúc với các lớp bên dưới, lớp thiêu kết của chúng khi nhiệt độ tăng cao, bao gồm cả vật liệu chống thấm dạng cuộn, là một ưu điểm tuyệt vời. Đặc tính này cho phép các lớp phủ và chống thấm hoạt động như một thể thống nhất với kết cấu nhịp của công trình cầu. Những lợi điểm của lớp phủ nhựa này rất rõ.

Khác với bê tông nhựa thông thường, bê tông nhựa đúc không thấm nước. Trong các phẩm chất tích cực của vật liệu, tuổi thọ là một yếu tố nổi trội. Với việc sử dụng và chuẩn bị đúng cách hỗn hợp bê tông nhựa, không vi phạm công nghệ, thời gian phục vụ của con đường sẽ có thể kéo dài hai mươi, thậm chí ba mươi năm. Vật liệu không chịu tác động của muối và hóa chất.

Hỗn hợp bê tông nhựa đúc khá phổ biến ở châu Âu. Chẳng hạn tại Đức, lớp phủ từ hỗn hợp bê tông nhựa đúc được sử dụng rộng rãi không chỉ trong xây đường, mà cả trong xây nhà và các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế. Các lớp phủ tương tự được điều chế trên cơ sở bitum giòn có độ bền uốn cao, tính dẫn nhiệt thấp, thân thiện với môi trường và không mùi, không có bụi.

Mặc dù công nghệ chế tạo và rải hỗn hợp bê tông nhựa đúc đòi hỏi nhân công ít hơn, việc sử dụng một lượng lớn bitum và bột khoáng lại khiến giá thành tăng lên. Ngoài ra, công nghệ đòi hỏi các thiết bị đặc biệt, việc này cũng làm tăng chi phí đáng kể. Điều này lý giải tại sao tại Nga việc sử dụng bê tông nhựa đúc chưa thực sự phổ biến.

Những năm gần đây, tại Nga, hỗn hợp bê tông nhựa đúc bắt đầu được sử dụng tích cực trong công tác vá đường, khắc phục các ổ gà khi công tác sửa chữa khẩn cấp lớp phủ đường diễn ra trong điều kiện nhiệt độ môi trường âm. Độ bám dính cao của hỗn hợp bê tông nhựa



đúc giúp việc sửa chữa đạt hiệu quả tích cực, nếu tuân thủ công nghệ chế tạo và rải đổ.

Theo ông Vitaly Shmarov - Phó Cục trưởng Cục đường bộ Vùng St. Petersburg, bê tông nhựa đúc là một chế phẩm dành cho các điều kiện khai thác cụ thể theo tính chất đặc thù và công nghệ rải. Trong đa số trường hợp, đây không thể được xem xét như phương án thay thế cho các hỗn hợp được đầm nén. Công nghệ rải hỗn hợp bê tông nhựa đúc không đơn giản cũng không quá phức tạp, chỉ khác so với các hỗn hợp được đầm nén bởi tính lưu động và nhiệt độ cao của chế phẩm. Ở đây, có những thuộc tính tích cực như tính công tác của hỗn hợp trong điều kiện chật hẹp, và cả tính tiêu cực, chẳng hạn: Rất khó để đạt được độ phẳng mong muốn của bề mặt lớp phủ. Việc sử dụng hỗn hợp bê tông nhựa đúc được coi là hợp lý nếu hỗn hợp được đầm nén không thể đảm bảo các đặc tính cơ lý cần thiết cho lớp phủ. Ví dụ: trên các kết cấu nhịp bằng kim loại của các công trình cầu đòi hỏi tính đàn hồi cao của lớp phủ, hỗn hợp bê tông nhựa đúc sẽ dễ dàng đáp ứng các yêu cầu nâng cao so với các loại vật

liệu khác.

Việc sử dụng hỗn hợp bê tông nhựa đúc đã dần phổ biến hơn trong vài năm gần đây tại Nga. Điều này chủ yếu được thúc đẩy bởi số lượng gia tăng của các dự án xây cầu lớn, trong đó các lớp phủ và chống thấm sử dụng bê tông nhựa đúc. Phạm vi áp dụng hỗn hợp bê tông nhựa đúc hiện nay cũng được mở rộng hơn - làm lớp phủ cho đường đô thị trong khu vực có các tuyến xe điện, vỉa hè, bãi đỗ xe, làm lớp phủ sàn trong các nhà ở và cơ sở công nghiệp, chống thấm cho các bể, hồ chứa nước, đường hầm, mái nhà... Cũng theo ông Vitaly Shmarov, hỗn hợp bê tông nhựa đúc rất có triển vọng trong ngành đường bộ, và hoàn toàn có cơ sở để mong đợi sự ra đời các công nghệ lai - xây mặt đường bê tông nhựa đúc, trong đó kết hợp những ưu thế của cả các hỗn hợp đúc và đầm nén./.

**Vladimir Chen**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 12  
(ngày 30/3/2018)*

**ND: Lê Minh**

## Suy nghĩ về công trình Cacbon thấp tại Trung Quốc

### 1. Tình hình phát triển công trình Cacbon thấp tại Trung Quốc

Hiện tại, Trung Quốc đang nỗ lực thúc đẩy giảm phát thải trong các công trình xây dựng từ 5 phương diện: Quản lý giám sát tiết kiệm năng lượng, cải tạo khu vực sưởi ấm, các công trình của cơ quan nhà nước và cải tạo công trình quy mô lớn, thúc đẩy vật liệu kiểu mới và ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo. Đúng từ góc độ các nhà bất động sản, rất nhiều các công ty bất động sản đã đạt được những thành tựu to lớn trong phương diện tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường và công trình xanh, đồng thời dành được sự tôn trọng trên thị trường. Những doanh nghiệp này có những chiến lược ứng phó biến

đổi khí hậu cụ thể, đồng thời có những nỗ lực trong thử nghiệm giảm thiểu phát thải khí Cacbon trên hai phương diện là thương mại và hoạt động sản xuất, hỗ trợ đáng kể và tham gia vào các hoạt động giảm thiểu biến đổi khí hậu, tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội của công ty. Vẫn còn một khoảng cách rất lớn giữa các nước phát triển và Trung Quốc - đất nước phát triển nền kinh tế Cacbon thấp với mức độ thành thực trong phát triển công trình Cacbon thấp chưa cao.

Trung Quốc vẫn còn tồn tại rất nhiều vấn đề trong phát triển công trình Cacbon thấp:

- Thứ nhất, các chính sách tương đối chậm trễ, chế độ chưa đủ hoàn thiện ở một mức độ

nhất định đều đã gây trở ngại tới sự phát triển của công trình Cacbon thấp.

- Thứ hai, sự phát triển của công trình Cacbon thấp tại Trung Quốc hiện nay vẫn nằm trong giai đoạn khởi bước, rất nhiều kỹ thuật chưa thành thực, thói quen thiết kế Cacbon thấp vẫn chưa được nuôi dưỡng.

## **2. Quan niệm Cacbon thấp cần ứng dụng cho các kỹ thuật xử lý trong thiết kế công trình**

- Nội bộ các công trình Cacbon thấp cần được sử dụng đầy đủ và hợp lý nguồn năng lượng mặt trời, đồng thời cần tiến hành xem xét về các phương diện tiết kiệm tài nguyên. Năng lượng mặt trời là một nguồn năng lượng tự nhiên, sạch, có thể tái tạo và không ô nhiễm. Việc đưa năng lượng mặt trời trở thành nguồn năng lượng sưởi ấm cho không gian bên trong công trình có thể tiết kiệm đáng kể những hao tổn năng lượng thông thường, giúp phát huy tác dụng bảo vệ môi trường tự nhiên, từ đó thực hiện triết lý công trình xanh Cacbon thấp. Kỹ thuật phát điện quang điện hiện nay chính là sự tận dụng xuất sắc thành quả này.

- Lưu ý việc sử dụng đối với không gian liên kết giữa không gian ánh nắng mặt trời và không gian chủ thể. Tại không gian có ánh nắng mặt trời không chỉ có cửa sổ lớn có thể đón nhận ánh sáng mặt trời mà mặt đất được mặt trời chiếu sáng cũng có thể giữ nhiệt, ánh sáng mặt trời được chiếu từ cửa kính tới mặt đất và dự trữ nhiệt lượng, từ đó giúp nhiệt độ trong nhà tăng lên, không gian chủ thể hấp thu nhiệt lượng thông qua tường hoặc cửa sổ sát với không gian ánh nắng mặt trời. Vào ban đêm, sử dụng kính cách nhiệt và rèm cửa với hệ số truyền nhiệt thấp để cách ly việc truyền năng lượng bên trong nhà ra không gian ngoài nhà, phát huy tác dụng bảo ôn.

- Khi công trình có hướng đẹp, cửa sổ lớn

hướng về phía Nam, vào mùa đông có thể thu được một lượng lớn ánh sáng mặt trời, vào ban đêm lại có thể lợi dụng tấm bảo ôn chuyên ngành để tiến hành chặn nhiệt tại khu vực cửa sổ. Bề mặt sàn các phòng bên trong công trình phải sử dụng các vật liệu có khả năng giữ nhiệt mạnh, ví dụ các vật liệu như bê tông và gạch, ban ngày có thể thu nhiệt đồng thời tiến hành lưu trữ nhiệt lượng, vào ban đêm tiếp tục tỏa nhiệt cho không gian trong phòng, từ đó giúp căn phòng có thể duy trì nhiệt độ thích hợp. Cấu tạo bề mặt tường có hướng khác cần tăng cường tính năng bảo ôn để có thể giúp giảm thiểu tổn thất nhiệt lượng cho toàn bộ không gian bên trong công trình.

- Khi công trình chịu hạn chế bởi điều kiện không thể mở theo hướng gió chủ đạo, nên cố gắng mở ít cửa hoặc cửa sổ theo hướng đón gió, đồng thời cần tận dụng đầy đủ những điều kiện tự nhiên xung quanh để phát huy tác dụng chắn gió.

- Đặc tính dẫn nhiệt của công trình cần thích ứng với tính chất sử dụng, căn phòng được sử dụng trong cả ngày cần có tính năng ổn định nhiệt tốt, tránh hạ thấp nhiệt độ hoặc gián đoạn cấp nhiệt bên ngoài nhà. Những căn phòng chỉ sử dụng vào ban ngày, ngay sau khi bắt đầu cấp nhiệt cần nâng cao dẫn nhiệt độ phòng tới tiêu chuẩn cần thiết. Khi nhiệt độ không khí ngoài nhà biến đổi liên tục cả ngày và đêm, để giúp môi trường nhiệt trong nhà có thể duy trì ở tiêu chuẩn cần thiết, khi cấp nhiệt cần lưu ý không để thời gian gia nhiệt quá lâu để tránh nhiệt độ ban đêm không thể đạt tới tiêu chuẩn quy phạm cơ bản.

- Nỗ lực phổ biến công trình lắp ghép có thể giúp tiết kiệm vật liệu, tiết kiệm nhân công và giúp làm giảm ô nhiễm môi trường ngoài nhà, tất cả những nhân tố này đều hỗ trợ rất lớn cho việc xây dựng cuộc sống Cacbon thấp. Việc sử

dụng tường ngoài dạng lắp ghép được thống nhất thiết kế bảo ôn có thể phát huy tác dụng bảo ôn tường ngoài rất tốt, giảm thất thoát nhiệt lượng trong nhà, cải thiện môi trường trong nhà, từ đó nâng cao mức độ thoải mái cho môi trường trong nhà. Thiết kế thống nhất bảo ôn tường ngoài cũng giúp bảo vệ phòng cháy chữa cháy cho công trình khi vật liệu bảo ôn được

bọc cẩn thận bên trong vật liệu chống cháy, phát huy tác dụng cách ly chống cháy, nâng cao cấp độ chống cháy cho vật liệu bảo ôn.

**Lưu Thắng Lâm, Triệu Văn Phạm**

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc*

*Trung Quốc, số 11/2018*

**ND: Kim Nhạn**

## **Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp Đại sứ các nước Uruguay, Vương quốc Hà Lan**

Ngày 21/12/2018, tại trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà có buổi tiếp và làm việc với tân Đại sứ Uruguay tại Việt Nam Rosario Portell Casanova, nhân dịp bà đến nhận nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

Cảm ơn Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đã dành thời gian đón tiếp đoàn, Đại sứ Rosario Portell Casanova cho biết, bà rất vui mừng đến thăm, làm việc với Bộ Xây dựng nhằm góp phần tăng cường quan hệ hợp tác song phương và đưa hình ảnh đất nước, con người Uruguay đến gần hơn với người dân Việt Nam.

Theo Đại sứ Rosario Portell Casanova, trong quá trình phát triển, đất nước Uruguay đã đạt được thành tựu trên nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có các thành tựu trong hoạt động đầu tư, xây dựng, đặc biệt là thiết kế, thi công và rất mong muốn tăng cường hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực này.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà bày tỏ vui mừng khi đón tiếp tân Đại sứ Rosario Portell Casanova đến thăm, làm việc với Bộ Xây dựng.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, Bộ Xây dựng được Chính phủ Việt Nam giao thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, những năm qua, Bộ Xây dựng đã đạt được nhiều thành tích quan trọng trên các lĩnh vực hoạt động, tuy nhiên trong hoàn cảnh mới, ngành Xây dựng cũng phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức. Vì vậy, Bộ Xây dựng mong muốn mở rộng, tăng cường hợp tác với các nước trên thế giới, trong đó có Uruguay, đặc biệt là trong lĩnh



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp tân Đại sứ Uruguay Rosario Portell Casanova*

vực đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, cấp thoát nước, xử lý rác thải.

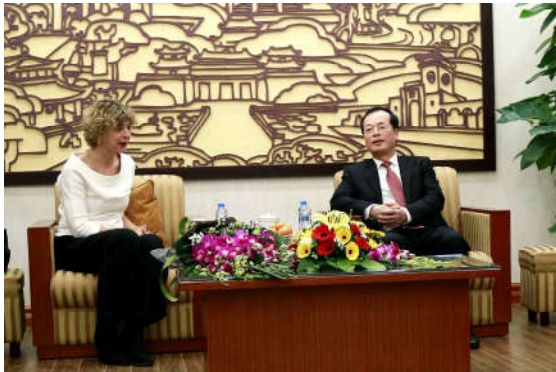
Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và Đại sứ Rosario Portell Casanova nhất trí trong thời gian tới, Bộ Xây dựng và Đại sứ quán Uruguay sẽ làm việc cụ thể để lên chương trình khung hợp tác giữa 2 bên nhằm tăng cường và đẩy mạnh quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Uruguay trong lĩnh vực xây dựng.

Cũng trong ngày 21/12, tại trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà có buổi tiếp và làm việc với tân Đại sứ Vương quốc Hà Lan tại Việt Nam Elsbeth Akkerman, nhân dịp bà nhận nhiệm kỳ công tác tại Việt Nam.

Cảm ơn Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đã dành thời gian đón tiếp đoàn, Đại sứ Elsbeth Akkerman cho biết, bà rất vui mừng đến thăm, làm việc với Bộ Xây dựng.

Đại sứ Elsbeth Akkerman đánh giá cao vai trò, chức năng của Bộ Xây dựng cũng như những đóng góp quan trọng của ngành Xây dựng đối với sự phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế của Việt Nam và bày tỏ mong muốn tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác giữa Đại sứ quán, các đơn vị thuộc Chính phủ Hà Lan, các tổ chức, doanh nghiệp Hà Lan với Bộ Xây dựng.

Đại sứ Elsbeth Akkerman cho biết, Hà Lan



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tiếp và làm việc với tân Đại sứ Vương quốc Hà Lan tại Việt Nam Elsbeth Akkerman*

đặc biệt quan tâm và mong muốn giúp đỡ Việt Nam phát triển đô thị thông minh, đô thị sân bay và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, phát triển hạ tầng đô thị, cấp thoát nước. Năm 2019, Thủ tướng Hà Lan và lãnh đạo các Bộ, ngành, đại diện nhiều doanh nghiệp, tổ chức, trong đó có các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, phát triển đô thị Hà Lan sẽ có chuyến thăm, làm việc tại Việt Nam nhằm đẩy mạnh hơn nữa hợp tác giữa 2 nước.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, Vương quốc Hà Lan và Việt Nam có quan hệ hợp tác từ lâu, trên nhiều lĩnh vực khác nhau và ngày càng được tăng cường, mở rộng, đặc biệt kể từ sau chuyến thăm và làm việc tại Hà Lan của Thủ tướng Chính phủ

Nguyễn Xuân Phúc năm 2017, tiếp đó là chuyến công tác của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh tại Hà Lan vào đầu năm 2018.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đánh giá cao sự hợp tác, hỗ trợ của Chính phủ Hà Lan cũng như các đơn vị, tổ chức của Hà Lan đối với Việt Nam trong việc triển khai các dự án hướng đến sự phát triển bền vững.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, hiện nay Bộ Xây dựng đang triển khai dự án cấp nước vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, do Ngân hàng Thế giới tài trợ và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam. Đây là dự án quan trọng, do đó Bộ Xây dựng rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Chính phủ Hà Lan trong việc trao đổi chuyên gia, thẩm định và phản biện các nội dung dự án, đồng thời triển khai các nhiệm vụ liên quan đến liên kết vùng, phát triển đô thị, hoàn thiện hạ tầng cấp thoát nước ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

Bên cạnh đó, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà mong Chính phủ Hà Lan tăng cường hỗ trợ Bộ Xây dựng thực hiện các dự án về phát triển đô thị thông minh, đô thị sân bay, các đô thị ven biển và triển khai các hoạt động giúp tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia Bộ Xây dựng.

**Trần Đình Hà**

## **Hội nghị Tổng kết Đề án “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam”**

Ngày 20/12/2018, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Tổng kết Đề án “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” (Đề án). Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đến dự và chủ trì Hội nghị.

Báo cáo tại Hội nghị, Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (Cơ quan Thường trực Ban Điều hành Đề án) Phạm Minh Hà cho biết, Đề án “Tăng

cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1511/QĐ-TTg ngày 5/10/2010 và phê duyệt điều chỉnh theo Quyết định số 1511/QĐ-TTg ngày 12/10/2012 với mục tiêu triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường năng lực kiểm định nhằm nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu xây dựng đến năm 2015

và tầm nhìn đến năm 2020.

Đến nay, Đề án đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu đề ra. Nhiều nội dung nghiên cứu của Đề án được đưa vào các văn bản quy phạm pháp luật và được Quốc hội, Chính phủ ban hành hoặc được Bộ Xây dựng ban hành theo thẩm quyền về điều chỉnh các hoạt động thí nghiệm, kiểm định, giám định như Luật Xây dựng 2014, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, Nghị định số 59/1015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 04/2014/TT-BXD về hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng, Thông tư số 17/2016/TT-BXD hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, Thông tư số 06/2017/TT-BXD hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng...; xây dựng và công bố 350 định mức chi phí cho công tác thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

Đến hết năm 2018, Đề án đã hoàn thành việc xây dựng quy hoạch hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, biên soạn một số tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật về thí nghiệm, kiểm định công trình xây dựng như: Quy hoạch và lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật trong công tác thí nghiệm, kiểm định chất lượng, quan trắc công trình xây dựng đến năm 2020 và tầm nhìn 2030; quy trình kiểm định, bảo trì các công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình; quy trình kiểm định quản lý chất lượng công trình cấp thoát nước sử dụng vật liệu composit cốt sợi thủy tinh; quy trình đánh giá an toàn kết cấu nhà ở và công sở hiện hữu; quy định chung về kiểm định đánh giá an toàn đập; hướng dẫn khảo sát, kiểm định xác định tuổi thọ còn lại của các công trình xây dựng...

Đề án cũng đã biên soạn được các bộ tài liệu giảng dạy về quản lý phòng thí nghiệm, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng và quan trắc công trình xây dựng để phục



*Toàn cảnh Hội nghị*

vụ việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trong các năm từ 2014 - 2017 và triển khai các khóa đào tạo thí nghiệm viên, kiểm định viên và nghiệp vụ quan trắc cho trên 14 nghìn học viên; phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng cho 5.950 học viên.

Đề án đã hỗ trợ kinh phí đầu tư 121,18 tỷ đồng để nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm cho 20 tổ chức kiểm định gồm Trung tâm CDMI và thuộc các địa phương Bắc Ninh, Bình Thuận, Cần Thơ, Gia Lai, Hà Tĩnh, Hải Dương, Kiên Giang, Lai Châu, Quảng Ninh, Bến Tre, Đồng Nai, Hà Nam, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Nghệ An, Thái Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc. Đến nay, các tổ chức kiểm định đã hoàn thành nội dung mua sắm trang thiết bị thí nghiệm, kiểm định theo danh mục đã được Ban Điều hành Đề án phê duyệt, nhờ đó, năng lực kiểm định, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của các tổ chức kiểm định nêu trên đã được nâng cao một bước.

Đề án cũng giúp duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động của Mạng kiểm định chất lượng công trình xây dựng Việt Nam; xây dựng bản tin Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng; vận hành trang thông tin điện tử [kiemdinhxaydung.gov.vn](http://kiemdinhxaydung.gov.vn) và trang thông tin điện tử quản lý số liệu Thí nghiệm - Kiểm định [ilabweb.vn](http://ilabweb.vn); tổ chức các hội thảo khoa học...

giúp cơ quan quản lý nhà nước các cấp cập nhật những cơ chế chính sách, các tài liệu kỹ thuật đã được chuẩn hóa đến các tổ chức, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thí nghiệm, kiểm định và quan trắc công trình xây dựng.

Tại Hội nghị, đại diện các Bộ, ngành Trung ương, đại diện Sở Xây dựng các địa phương trình bày các tham luận nêu bật những kết quả về tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng mà Đề án mang lại, đồng thời góp ý giúp Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Lê Quang Hùng đánh giá cao sự phối hợp có hiệu quả của các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương trên toàn quốc trong quá trình triển khai Đề án, đồng thời nhấn mạnh, đến cuối năm 2018, Đề án “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” đã hoàn thành về cơ bản và đạt được các mục tiêu

ban đầu đã đề ra, với các kết quả, sản phẩm cụ thể, như: Nghiên cứu, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách; hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ; hỗ trợ đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thí nghiệm và đầu tư xây dựng cơ bản cho các tổ chức kiểm định tại các địa phương trên toàn quốc; hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp cho tổ chức thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng đề nghị Cơ quan Thường trực Ban Điều hành Đề án tiếp thu đầy đủ các ý kiến đóng góp của đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương, các chuyên gia, hoàn chỉnh Báo cáo, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng, để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Trần Đình Hà**

## **Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 26/12/2018 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị.

Báo cáo tóm tắt thuyết minh Nhiệm vụ, đại diện đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia cho biết, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2009 tại Quyết định số 1296/QĐ-TTg đã được thực hiện gần 10 năm. Tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực xây dựng tập trung, thu hút các dự án đầu tư, triển khai các dự án đầu tư để từng bước cụ thể hóa quy hoạch được duyệt. Tính đến tháng



*Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị*

12/2017, Vân Đồn đã thu hút được 54 dự án với tổng số vốn đăng ký đạt 21.569 tỷ đồng, chủ yếu trong lĩnh vực du lịch, nuôi trồng thủy sản, bất động sản, giao thông. Trong quá trình triển khai thực hiện theo Quy hoạch chung 2009 đã xuất hiện một số bất cập do một số dự án hạ



Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh Cao Tường  
Huy phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

tầng khi lập dự án đầu tư có những thay đổi cho phù hợp tình hình thực tiễn, đã được UBND tỉnh Quảng Ninh báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, trong đó nổi bật là sự điều chỉnh vị trí và quy mô sân bay Vân Đồn, điều chỉnh hướng tuyến đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái. Do đó, so với quy hoạch chung được duyệt thì tổ chức không gian các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối đã có sự khác biệt, đòi hỏi phải điều chỉnh lại quy hoạch chung để đánh giá đúng tác động cũng như sử dụng tối ưu quỹ đất. Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội trên địa bàn khu kinh tế Vân Đồn, đã có nhiều đề xuất dự án xây dựng các khu phức hợp, khu du lịch, đô thị và các khu chức năng khác, bên cạnh đó, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030 đòi hỏi phải rà soát tổng thể quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Đồn để có cơ cấu phát triển phù hợp với các ngành, lĩnh vực khác đã được xác định trong quy hoạch vùng tỉnh. Từ những yêu cầu thực tế của quá trình triển khai quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Đồn đã được phê duyệt, và chủ trương của Chính phủ về phát triển các khu kinh tế đầu tàu động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đất nước, tỉnh Quảng Ninh đã đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương lập điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn.

Theo báo cáo của tư vấn, phạm vi nghiên

cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, hợp thành bởi 2 quần đảo Cái Bàu và Vân Hải, với diện tích khoảng 2.171,33km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất tự nhiên là 581,8km<sup>2</sup>, diện tích vùng biển rộng 1.589,5km<sup>2</sup>. Phạm vi nghiên cứu gián tiếp và dự trữ mở rộng khoảng 460km<sup>2</sup> phía thành phố Cẩm Phả, huyện Tiên Yên và huyện Cô Tô.

Trong Nhiệm vụ lập quy hoạch xác định Khu Kinh tế Vân Đồn sẽ là một khu kinh tế có mô hình quản lý hiện đại, phù hợp với các quy định về thể chế, chính sách của Nhà nước, đảm bảo sự vượt trội và các yếu tố cạnh tranh quốc tế; là vùng động lực thu hút đầu tư, tri thức và kinh nghiệm quản lý tiên tiến trong và ngoài nước, góp phần trực tiếp thúc đẩy nhanh phát triển, tái cơ cấu kinh tế cho tỉnh Quảng Ninh, lan tỏa ra các vùng và cả nước; là khu vực có hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại, trở thành thành phố biển quốc tế đạt tiêu chuẩn đô thị thông minh bền vững, trung tâm công nghiệp giải trí có casino, du lịch biển-đảo cao cấp, dịch vụ tổng hợp và cửa ngõ giao thương quốc tế; khu vực có vai trò quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Nhiệm vụ quy hoạch đề ra các yêu cầu nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm: Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, sử dụng đất; vị trí và bối cảnh liên kết vùng; xây dựng tầm nhìn phát triển, dự báo phát



triển, đề xuất các chiến lược phát triển; định hướng phát triển không gian; xây dựng các chương trình, dự án ưu tiên và đề xuất các quy định quản lý.

Tại Hội nghị, các thành viên của Hội đồng - đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành đã đóng góp và trao đổi ý kiến nhằm giúp đơn vị tư vấn hoàn thiện dự thảo Nhiệm vụ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó, nhiều đại biểu đề nghị tư vấn bổ sung trong thuyết minh Nhiệm vụ các đánh giá rõ hơn về tình hình thực hiện quy hoạch chung 2009, làm rõ các vướng mắc, rà soát tình hình đầu tư các công trình đầu mối theo quy hoạch, cơ sở dự báo dân số và định hướng phát triển không gian, hạ tầng, chỉ tiêu sử dụng đất của các khu chức năng, lưu ý tính

chất an ninh quốc phòng đặc biệt quan trọng của khu vực này.

Phát biểu tổng kết Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh, Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Đồn chỉ đạo đơn vị tư vấn tiếp thu ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, hoàn thiện Hồ sơ Nhiệm vụ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh lưu ý đơn vị tư vấn cần bám sát các chủ trương, định hướng của Trung ương, của Chính phủ và tỉnh Quảng Ninh về phát triển Khu kinh tế Vân Đồn, lồng ghép Nghị quyết 36/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XII**

Ngày 27/12/2018 tại Hà Nội, Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 8 Khóa XII của Đảng.

Tham dự Hội nghị có đồng chí Phạm Hồng Hà, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Lê Quang Hùng, Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; và các đồng chí Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng; Bí thư, cấp ủy, Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Bộ Xây dựng; Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng.

Trong thời gian một buổi sáng, Hội nghị đã được nghe PGS.TS. Phạm Văn Linh - Phó Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương giới thiệu các nội dung chính của Hội nghị Trung ương 8, quán triệt Nghị quyết 36-NQ/TW về "Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; Quy định số



*PGS.TS Phạm Văn Linh - Phó Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương quán triệt các nội dung của Hội nghị TƯ8 khóa XII của Đảng*

08/QĐi/TW về "Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương".

Tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đã giới thiệu với các đại biểu nội dung của Dự thảo Kế hoạch hành động của Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-TW, trong đó nhấn mạnh các



*Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị*

nhiệm vụ của ngành Xây dựng trong công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế ven biển; sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu xây dựng của vùng ven biển, hải đảo; phòng chống tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nước biển dâng như ngập úng đô thị, gió bão...; Dự thảo Chỉ thị của Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng



*Toàn cảnh Hội nghị*

về thực hiện Quy định số 08-QĐi/TW.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng cũng yêu cầu, sau Hội nghị này, các cấp ủy, tổ chức đảng, phải nhanh chóng xây dựng kế hoạch, tổ chức tốt việc học tập, quán triệt và thực hiện các Nghị quyết, Quy định của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII tại các cơ quan, đơn vị./.

**Minh Tuấn**

## **Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng và đô thị Hòa Thành mở rộng của tỉnh Tây Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV**

Ngày 27/12/2018, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định các Đề án đề nghị công nhận đô thị Hòa Thành mở rộng và khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV. Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có ông Nguyễn Thanh Ngọc – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh, các thành viên Hội đồng thẩm định đại diện các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành.

Huyện Trảng Bàng là 1 trong 9 đơn vị hành chính của tỉnh Tây Ninh, là cửa ngõ của tỉnh

Tây Ninh kết nối với TP Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam bộ đồng thời là cửa ngõ kết nối các nước trong khu vực ASEAN thông qua cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, đường Xuyên Á, quốc lộ 22. Trảng Bàng cách TP Hồ Chí Minh 40km và cách cửa khẩu quốc tế Mộc Bài 30km.

Trảng Bàng là huyện biên giới (có 14,5km biên giới với Campuchia) có diện tích tự nhiên là 34.014,92ha, dân số 183.385 người với 11 đơn vị hành chính. Khu vực nội thị có diện tích 15.458 ha gồm thị trấn Trảng Bàng và 5 xã: An Tịnh, An Hòa, Lộc Hưng, Gia Lộc, Gia Bình và 5 xã ngoại thị có diện tích 18.556,92ha.

Đô thị Trảng Bàng đang được tỉnh Tây Ninh

đầu tư phát triển theo định hướng trở thành thị xã Trảng Bàng trên cơ sở toàn bộ phạm vi ranh giới và đơn vị hành chính của huyện Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng đã có thị trấn Trảng Bàng (1/11 đơn vị hành chính). Năm 2016 thị trấn Trảng Bàng đã được công nhận Đô thị loại IV tại QĐ số 432/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 17/5/2016.

Đến nay khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng đã và đang có bước tiến mạnh mẽ, với nền kinh tế có mức tăng trưởng cao, GDP tăng đều hàng năm, cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp – dịch vụ; Với vị thế và tiềm năng phát triển công nghiệp, thương mại, tốc độ tăng trưởng tương ứng là 5,5% và 11,69%, cơ cấu kinh tế năm 2017 huyện Trảng Bàng là Công nghiệp - Xây dựng 75,17%; Thương mại dịch vụ 5,11%; Nông – Lâm – Ngư nghiệp 19,71%.

Với những thay đổi lớn trong thời gian gần đây, Trảng Bàng ngày càng khẳng định vị thế xứng tầm một đô thị trực thuộc tỉnh, đô thị hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế phía Nam tỉnh Tây Ninh.

Khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng có nội thị gồm thị trấn Trảng Bàng và 5 xã (6/11 đơn vị hành chính); khu vực ngoại thị gồm 5 xã còn lại.

Trong khi đó, huyện Hòa Thành thuộc vùng trung tâm của tỉnh Tây Ninh, có 8 đơn vị hành chính; Trung tâm đô thị cách TP Hồ Chí Minh 90 km và cách biên giới Việt Nam – Campuchia 25 km về phía Tây và 40 km về phía Bắc. Trên địa bàn huyện có các tuyến đường giao thông quốc gia đi qua; Về đường bộ có tuyến Quốc lộ 22B; đường thủy có tuyến sông Vàm Cỏ Đông và cảng Bến Kéo đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu giữa địa phương với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh Tây Ninh. Với vị trí nằm ở trung tâm của tỉnh và gần các đô thị lớn khác đã giúp cho Hòa Thành có vị trí tương đối thuận lợi trong hiện tại và tương lai để thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, trở



*Toàn cảnh Hội nghị*

thành một trong những trung tâm trung chuyển hàng hóa trong tỉnh và các địa phương khác trong vùng.

Ngoài ra đây còn là nơi có nhiều hoạt động về văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo mang tầm khu vực và quốc gia, nổi bật là các lễ hội Yến Diệt Trì Cung của Đạo Cao Đài gắn liền với Tòa Thánh Tây Ninh, lễ giỗ tổ Hùng Vương tại Báo Quốc Tự...

Trong những năm qua đô thị Hòa Thành đã hoàn thiện hạ tầng góp phần nâng cao chất lượng sống của cư dân đô thị, tạo diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững; Đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, phúc lợi xã hội được chú trọng; tốc độ đô thị hóa nhanh, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được đầu tư nâng cấp.

Phạm vi lập Đề án đề nghị công nhận đô thị Hòa Thành mở rộng, tỉnh Tây Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV có quy mô 8.292,4 ha gồm khu vực đô thị Hòa Thành (Thị trấn Hòa Thành và 3 xã Hiệp Tân, xã Long Thành Bắc, xã Long Thành Trung) và khu vực mở rộng (4 xã: Trường Hòa, Trường Đông, Trường Tây, Long Thành Nam).

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định đến từ các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ đánh giá cao nội dung 2 Đề án đề nghị công nhận đô thị Hòa Thành mở rộng và khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV. Các ý kiến

đều thống nhất các tiêu chí đánh giá đã bám rất sát những nội dung quy định trong Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về phân loại đô thị. Tuy nhiên Đề án cần đề xuất các dự án ưu tiên cụ thể; Đối với khu vực chuyển vào nội thị cần xây dựng chương trình đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và thể hiện qua các dự án được xác định thời gian thực hiện, nguồn vốn và chủ đầu tư cụ thể hoặc các cơ chế chính sách thực hiện, thu hút các nguồn vốn xã hội hóa. Ngoài ra đô thị Trảng Bàng cũng như tỉnh Tây Ninh là khu vực chịu ảnh hưởng BĐKH. Vì vậy, các dự án cần chú ý bổ sung giải pháp ứng phó BĐKH, lồng ghép các giải pháp ứng phó BĐKH vào chương trình phát triển đô thị cũng như các dự án đầu tư phát triển đô thị.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Phó Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị Trần Thị Lan Anh đánh

giá 2 Đề án đề nghị công nhận đô thị Hòa Thành mở rộng và khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV được thực hiện công phu, bài bản, tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành và đề nghị huyện Hòa Thành, huyện Trảng Bàng tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia thành viên Hội đồng thẩm định, đồng thời rà soát lại những nội dung nêu trong 2 Đề án, để hoàn thiện hồ sơ gửi cấp có thẩm quyền quyết định.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị của Bộ Xây dựng đã nhất trí thông qua 2 Đề án công nhận đô thị Hòa Thành mở rộng và khu vực dự kiến thành lập thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đạt tiêu chí đô thị loại IV, với điểm số lần lượt là 90,69 điểm và 88,03 điểm.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đạt tiêu chí đô thị loại IV**

Ngày 28/12/2018, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đạt tiêu chí đô thị loại IV. Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ ngành TW, các Hội và Hiệp hội chuyên ngành và các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng. Đại diện địa phương có ông Nguyễn Tăng Bình - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ngãi, lãnh đạo Sở Xây dựng và UBND huyện Đức Phổ.

Tỉnh Quảng Ngãi hiện có 14 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Thành phố Quảng Ngãi và 13 huyện. Đức Phổ được quy hoạch là đô thị loại IV và trở thành thị xã thuộc tỉnh; trung tâm

hành chính – chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng phía Nam tỉnh Quảng Ngãi. Đức Phổ có vị trí địa lý kinh tế, an ninh quốc phòng quan trọng; là đô thị có nhiều tuyến đường quan trọng có ý nghĩa chiến lược của Quốc gia như tuyến đường QL1 và tuyến đường sắt Bắc – Nam... Đô thị Đức Phổ cách cảng Dung Quất 80km, cách sân bay Chu Lai khoảng 90km về phía Nam, cách sân bay Phù Cát khoảng 100km về phía Bắc, cách Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi 28km. Huyện Đức Phổ có 2 cửa biển là Mỹ Á và Sa Huỳnh đóng vai trò quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, an ninh trên biển của Tổ quốc, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Ngày 02/02/2016, Bộ Xây dựng đã công nhận Khu vực thị trấn Đức Phổ mở rộng gồm thị



*Toàn cảnh Hội nghị*

trấn Đức Phổ và 06 xã liền kề (Phổ Văn, Phổ Hòa, Phổ Quang, Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Vinh) đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV tại Quyết định số 99/QĐ-BXD. Từ khi được công nhận đạt tiêu chuẩn loại IV cho đến nay, UBND huyện Đức Phổ tập trung đầu tư xây dựng mở rộng đô thị, nâng cấp cải tạo chỉnh trang đô thị, đã đạt nhiều kết quả tích cực về: Thương mại (hoàn thành xây dựng một số chợ, siêu thị), giáo dục (xây dựng, nâng cấp một số trường mầm non, giáo dục tiểu học, phổ thông cơ sở), nâng cấp bệnh viện Đặng Thùy Trâm, thu gom và xử lý rác thải, xây dựng đường giao thông, nâng cấp hệ thống thoát nước thải đô thị. Dịch vụ đô thị, quản lý đô thị, kiến trúc cảnh quan đô thị từng bước được cải thiện. Đô thị từng bước được mở rộng. Đây là những tiên đề quan trọng để UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục đề nghị công nhận Khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại IV.

Khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại IV có ranh giới nội thị mở rộng gồm toàn bộ thị trấn Đức Phổ hiện tại và 6 xã (đã được Bộ Xây dựng công nhận đô thị loại IV tháng 2/2016 và bổ sung thêm một xã (Phổ Thạnh) vào khu vực nội thị (đạt 8/15 xã).

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định đều thống nhất Khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ đạt tiêu chí đô thị loại IV. Các ý kiến đóng góp tập trung vào 08/59 tiêu chuẩn chưa đạt so với quy định. Đối với mật độ dân số



*Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Nguyễn Tăng Bính phát biểu tại HN*

đô thị trên diện tích đất tự nhiên chưa đạt so với quy định: mật độ thấp sẽ làm tăng chi phí đầu tư hạ tầng kết nối, việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội kém hiệu quả. Do đó, chương trình phát triển đô thị cần định hướng phát triển đô thị theo khu vực, có kế hoạch để đảm bảo hiệu quả, tránh việc đầu tư tràn lan.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị Nguyễn Tường Văn đánh giá Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đạt tiêu chí đô thị loại IV đã được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng cơ bản Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị và đề nghị huyện Đức Phổ tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định, để hoàn thiện hồ sơ gửi cấp có thẩm quyền quyết định. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo sớm rà soát, lập và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Đức Phổ phù hợp với thực trạng và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới theo quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BXD để có kế hoạch cụ thể phát triển theo quy hoạch được duyệt.

Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị của Bộ Xây dựng đã nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đạt tiêu chí đô thị loại IV, với điểm số là 87,73 điểm.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Đôi nét về sự phát triển của các quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng tại các nước trên thế giới**

### **1. Quỹ Phát triển đô thị nước Anh**

Quỹ Phát triển đô thị nước Anh do Bộ Môi trường Anh chính thức thành lập vào năm 1982, là quỹ dành riêng cho việc đổi mới đô thị, mục đích chủ yếu là thúc đẩy vận động đổi mới đô thị nước Anh, hạn chế sự sa sút đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng tại khu vực nội thành. Mặc dù những năm 1960, 1970 của thế kỷ 20, nước Anh đã sử dụng nhiều biện pháp đổi mới nhằm cố gắng phục hồi sự phồn hoa cho khu vực nội thành, tuy nhiên đến những năm 1980 hiện tượng sa sút tại khu vực nội thành vẫn còn rất nghiêm trọng, thiếu sức hút đầu tư. Nguồn vốn là nhân tố quan trọng hạn chế sự phát triển đổi mới của đô thị. Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm và bài học về đổi mới đô thị trong quá khứ, nước Anh đã sử dụng một loạt các chính sách đổi mới mới, việc thiết lập Quỹ Phát triển đô thị là một trong những biện pháp chính sách quan trọng, mục đích của nó là hướng dẫn các hướng đầu tư tập trung vào khu vực nội thành.

#### **\* Phương thức vận hành**

Nguồn gốc của Quỹ Phát triển đô thị nước Anh toàn bộ đến từ phân bổ tài chính trung ương. Mục đích chủ đạo của Quỹ là phát huy tác dụng của quỹ tài chính, thu hút tư bản tư nhân tham gia và đầu tư. Sự sa sút nghiêm trọng của khu vực nội thành tại các đô thị nước Anh đã làm giảm sức hấp dẫn đối với tư bản tư nhân. Quỹ Phát triển đô thị có thể xem như một sự bồi thường cho tư bản tư nhân, bù đắp cho khoảng cách chênh lệch giữa đầu tư của tư bản tư nhân dành cho khu vực nội thành và lợi tức đầu tư dự kiến đạt được, từ đó điều động tích cực của tư bản tư nhân khi đầu tư. Quỹ Phát triển đô thị đóng vai trò là môi giới trung gian giữa cơ quan công và cơ quan tư nhân, giúp đôi bên xây dựng mối quan hệ đối tác hợp tác, cùng nhau hoàn thành những kế hoạch đầu tư dự kiến.

Công trình mà Quỹ Phát triển đô thị hỗ trợ không có hạn chế cụ thể nào, bao gồm các phương diện như công nghiệp, thương mại, giải trí..., tuy nhiên cái mà quỹ này nhấn mạnh nhiều hơn là các công trình cải thiện cơ sở hạ tầng khu vực đô thị trong nội đô, những công trình này có tác dụng thúc đẩy trực tiếp tới việc cải thiện môi trường đầu tư dành cho khu vực nội thành.

Quỹ Phát triển đô thị sử dụng 3 hình thức hỗ trợ là hỗ trợ không bồi thường (hỗ trợ miễn phí), chia sẻ lợi nhuận và cho vay lãi suất thấp. Đối với bộ phận công trình công cộng mang tính phi lợi nhuận, Quỹ Phát triển đô thị có thể tiến hành hỗ trợ miễn phí để thúc đẩy các công trình hoàn thành. Đối với các công trình có mức độ lợi nhuận kinh tế khá cao và có dòng tiền mặt ổn định có thể sử dụng 2 phương thức chia sẻ lợi nhuận và cho vay lãi suất thấp. Chia sẻ lợi nhuận là chỉ Quỹ chiếm một tỷ lệ cổ phần nhất định trong các công trình đổi mới, tức là tiến hành đầu tư quyền cổ phần; Cho vay lãi suất thấp có nghĩa là dùng phương thức ưu đãi lãi suất để hỗ trợ các công trình đổi mới. Chính quyền địa phương thông qua phương thức đấu thầu để có được sự hỗ trợ của Quỹ Phát triển đô thị. Quỹ do Bộ Môi trường quản lý và chỉ định tổ đánh giá để xác định các công trình cần Quỹ hỗ trợ. Để có được sự hỗ trợ từ Quỹ, chính quyền địa phương sẽ trình kế hoạch đầu tư dự kiến lên Bộ Môi trường, tổ đánh giá sẽ tiến hành đánh giá. Tổ đánh giá sẽ dựa vào tính khả thi của kế hoạch đầu tư, số tiền đầu tư theo kế hoạch của cơ quan tư nhân, tính hợp lý của công trình ... để xem xét, sau đó sẽ xác định tổng hợp đối tượng hỗ trợ. Phương thức hỗ trợ đấu thầu này về mặt khách quan đã thúc đẩy sự hợp tác giữa chính quyền địa phương và các nhà khai thác tư nhân có tiềm lực, đồng thời lựa chọn được các công trình đổi mới có giá trị, từ đó hỗ trợ thúc

đẩy sự phát triển của khu vực nội thành.

**2. Quỹ Đầu tư cơ sở hạ tầng Australia**

Quỹ Đầu tư cơ sở hạ tầng Australia là một loại sản phẩm tài chính biểu hiện khá sôi động trên thị trường tư bản, phát huy tác dụng quan trọng trong xây dựng cơ sở hạ tầng. Tính đến tháng 11/2016, Australia tổng cộng có 22 quỹ đầu tư cơ sở hạ tầng được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, trong đó các quỹ trên sàn chứng khoán có quy mô từ 1 tỷ đô la Úc trở lên phải kể đến Quỹ Cơ sở hạ tầng Manquarie (Manquarie Infrastructure), Quỹ Cơ sở hạ tầng Babcock and Brown (Babcock & Brown Infrastructure), Quỹ Cơ sở hạ tầng Spark (Spark Infrastructure), SP Aus Net. Phát triển các quỹ cơ sở hạ tầng có thể giúp thu hút tư bản tư nhân, cải thiện hiệu quả tình hình cơ sở hạ tầng, giảm áp lực đầu tư tài chính, giúp nguồn thu nhập tài chính có hạn có thể cung cấp càng nhiều các dịch vụ xã hội. Hiện tại, nguồn chi cho xây dựng cơ sở hạ tầng của chính phủ Australia đã giảm từ 14% từ dự toán ban đầu xuống còn khoảng 5%, sự xuất hiện của các quỹ cơ sở hạ tầng là nguyên nhân quan trọng của lý do này.

\* Phương thức vận hành

Cuối năm 2006, tổng mức quỹ quản lý của Australia đạt 22,4 tỷ đô la Úc. Loại quỹ này chưa được phân loại ở nước ngoài chủ yếu là từ lương hưu nước ngoài và các nhà đầu tư của cơ cấu khác, chiếm tới 23% trong tổng số, là nguồn gốc quỹ chủ đạo. Nguồn gốc quỹ từ cá nhân và gia đình xếp ngay sau đó với tỷ lệ 20%. Xếp ở vị trí thứ ba là các cơ cấu trung gian (Intermediaries) với tỷ lệ 15%. Pháp luật Australia có quy định bắt buộc là nhân viên xin việc sẽ trích 9% thu nhập để nộp quỹ hưu trí, quỹ hưu trí là một trong những nhà đầu tư cơ cấu quan trọng nhất trên thị trường tư bản Australia, số lượng các cơ cấu quỹ hưu trí đạt tới 7.812 cơ cấu, quỹ hưu trí là nguồn gốc quỹ quan trọng trong Quỹ Đầu tư cơ sở hạ tầng.

Việc quản lý giám sát Quỹ Đầu tư cơ sở hạ

tầng Australia được tiến hành dưới khung quản lý giám sát của Quỹ Đầu tư công nghiệp. Việc quản lý giám sát Quỹ Đầu tư công nghiệp Australia chủ yếu do 3 cơ quan là Ngân hàng dự trữ, Cơ quan Quản lý rủi ro và Ủy ban Quản lý đầu tư và chứng khoán phụ trách. Trong đó, Cơ quan Quản lý thận trọng phụ trách thẩm duyệt và quản lý giám sát đối với cơ cấu tài chính, đồng thời tiến hành quản lý giám sát đối với các nhà đầu tư vào Quỹ Đầu tư công nghiệp như ngân hàng, công ty bảo hiểm, quỹ hưu trí...; Ủy ban Quản lý đầu tư và chứng khoán phụ trách quản lý giám sát đối với sản phẩm quỹ, người quản lý quỹ và thị trường giao dịch quỹ.

Ngoài ra, nếu kế hoạch quản lý đầu tư cần tiếp tục lên sàn chứng khoán, nó sẽ chịu sự quản lý giám sát từ Sở Giao dịch chứng khoán Australia, Sở Giao dịch sẽ tiến hành một loạt thẩm tra đối với các kế hoạch quản lý đầu tư.

**3. Quỹ Cơ sở hạ tầng toàn cầu (GIF)**

Trong 10 năm qua, mặc dù thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDEs) có sự tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế, tình hình cơ sở hạ tầng đã được cải thiện rất lớn, tuy nhiên có rất nhiều người không thể có được các dịch vụ cơ bản đáng tin cậy và với giá cả phải chăng từ các cơ sở hạ tầng chất lượng tốt. Nhu cầu xây dựng các cơ sở hạ tầng này không thể được đáp ứng do nguồn vốn công với cách sử dụng tồn tại rất nhiều hạn chế, thiếu các kênh thông thoáng dành cho tư bản tư nhân đầu tư. Sự thiếu thốn về cơ sở hạ tầng đã cản trở sự phát triển hơn nữa của nền kinh tế xã hội. Để giải quyết vấn đề khó về tài chính cơ sở hạ tầng của EMDEs, cần có sự hợp tác đa phương giữa chính phủ các nước, cơ cấu tài chính và các cơ cấu đầu tư tư nhân, đồng thời cần tổng hợp các nguồn tài nguyên mà các bên nắm vững như nguồn vốn, kỹ thuật..., thu hút ngày càng nhiều tư bản tư nhân tham gia đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng của EMDEs. Trong bối cảnh này, Ngân hàng Thế giới đã phát huy sức ảnh hưởng đối

với lĩnh vực cơ sở hạ tầng trong toàn cầu, nỗ lực hợp tác với các ngân hàng phát triển đa phương lớn thông qua chính phủ các nước tài trợ như Trung Quốc, Nhật Bản, Australia, Canada... để cùng nhau xây dựng. Trong đó, Trung Quốc đã tài trợ cho GIF 20 triệu USD. Trọng điểm công tác của GIF là mở rộng phạm vi dự án cơ sở hạ tầng có thể động viên tư nhân đầu tư. GIF hỗ trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng với các thiết kế, chuẩn bị khả thi và bền vững. Những dự án này sẽ cố gắng thu hút nhiều quỹ đầu tư dài hạn từ khu vực kinh doanh tư nhân. Các đối tác hợp tác tư vấn khu vực kinh doanh tư nhân của GIF có giá trị tài sản khoảng 12 nghìn tỷ USD, bao gồm quỹ tài sản chủ quyền, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, ngân hàng thương mại, quỹ hưu trí ...

#### \* Mô hình vận hành

GIF hỗ trợ chính phủ các nước đưa các dự án cơ sở hạ tầng có sức hấp dẫn về tài chính và có kết cấu hợp lý ra thị trường, GIF đóng vai trò là nền tảng đối tác mở mang tính toàn cầu, tổng hợp và điều chỉnh lực lượng các bên (ngân hàng phát triển đa phương, chính phủ, cơ cấu tài đầu tư tài chính khu vực tư nhân ...), giúp đỡ các cơ cấu khai thác đơn lẻ khi khai thác các dự án phức tạp mà không thể hoàn thành đơn lẻ. Lưu trình làm việc cơ bản của GIF như sau:

- Định nghĩa hạng mục và tạo môi trường có lợi: Công việc ban đầu chủ yếu là xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, thông qua tính khả thi để phân tích khái niệm dự án; Tạo sự hỗ trợ cho việc quản lý giám sát hoặc cải cách chế độ cần

thiết, từ đó giúp vốn tư nhân dài hạn có thể tham gia thành công vào kết cấu tài chính của một dự án cụ thể.

- Chuẩn bị dự án và phân tích tính khả thi khi đầu tư: Đưa ra sự hỗ trợ đối với việc chuẩn bị và đánh giá dự án cần thiết, giúp chính phủ có được thông tin đầy đủ, đưa ra lựa chọn hợp lý, tiếp đó tiến hành giao dịch. Phạm vi hỗ trợ bao gồm kỹ thuật, lợi nhuận đầu tư và đánh giá rủi ro, đánh giá tác động xã hội và môi trường, xây dựng mối quan hệ hợp tác đối tác công tư (PPP).

- Thiết kế và tiến hành giao dịch: Tạo sự hỗ trợ cho việc xây dựng văn bản giao dịch và quản lý lưu trình giao dịch mang tính cạnh tranh, bao gồm hóa giải rủi ro, thiết kế ban đầu cho công tác tăng cường tín dụng.

- Tài chính: Kể từ khi bắt đầu quá trình kinh doanh dự án tới khi có quỹ hỗ trợ, tạo sự hỗ trợ liên tục cho chính phủ, trong đó bao gồm sắp xếp hài hòa tài chính giữa cơ quan công và cơ quan tư nhân, sắp xếp hoặc thiết kế công cụ hóa giải rủi ro, hỗ trợ tài chính thương mại tham gia.

Dự án GIF sẽ phân theo giai đoạn để thực thi, đảm bảo rủi ro, chi phí, lợi nhuận tại mỗi một giai đoạn đều được cân nhắc đầy đủ. Cách làm này khi kết hợp với mô hình chia sẻ rủi ro GIF sẽ làm giảm đáng kể "rủi ro thất bại" khi chuẩn bị dự án cho khách hàng chính phủ.

**Chu Hiểu Long**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn  
Trung Quốc, số 7/2018*

**ND: Kim Nhạn**



# HỘI NGHỊ QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 8 KHÓA XII

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018



*PGS.TS Phạm Văn Linh - Phó Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương quán triệt các nội dung của Hội nghị TƯ8 khóa XII của Đảng*



*Phó Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội nghị*